

BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN

TERMS AND CONDITIONS OF SECURITIES ACCOUNT OPENING CONTRACT

BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN này (sau đây gọi là "**Bộ T&C**") là một phần không tách rời của Hợp đồng mở tài khoản chứng khoán ký kết giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS và Khách hàng (sau đây gọi là "**Hợp đồng mở TKCK**"), được áp dụng cho tất cả các tài khoản giao dịch chứng khoán mở tại Công ty Cổ phần chứng khoán VPS. Trước khi ký kết Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán, Khách hàng đã được cung cấp đầy đủ, đã đọc, hiểu rõ và do đó, đã đồng ý với toàn bộ điều khoản và điều kiện của Bộ T&C này (bao gồm cả những bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của Bộ T&C trong từng thời kỳ).

*These **TERMS AND CONDITIONS** (hereinafter referred to as "**T&Cs**") are an integral part of the Securities Account Opening Contract signed between VPS Securities Joint Stock Company and the Customer (hereinafter referred to as "**SA Opening Contract**"), applicable to all securities trading accounts opened at VPS Securities Joint Stock Company. Before signing the SA Opening Contract, the Customer has been fully provided with, read, understood these T&Cs and therefore, consented to all terms and conditions of these T&Cs (including all amendments, supplements and replacements of the T&Cs from time to time).*

Bộ T&C bao gồm: Phần A:: Những quy định chung; Phần B:: Quy định về ứng trước tiền bán chứng khoán; Phần C:: Thỏa thuận giao dịch điện tử, Phần D:: Quy định về giao dịch chứng khoán phái sinh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định tại Phần A với các Phần còn lại của Bộ T&C, quy định của các Phần còn lại của Bộ T&C được ưu tiên giải thích và áp dụng.

These T&Cs consist of Part A: General regulations; Part B: Regulations on advance payments for securities sales; Part C: Electronic transaction agreement, Part D: Regulations on derivatives trading accounts. In the event of any conflict between the terms and conditions of Part A and the remaining Parts of the T&Cs, the terms and conditions of the remaining Parts of the T&Cs shall prevail.

PHẦN A: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG/Part A: General regulations;

ĐIỀU A1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

ARTICLE A1. DEFINITIONS

Trong Bộ T&C này, trừ trường hợp ngữ cảnh yêu cầu khác đi, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

In these T&Cs, unless otherwise required by the context, the following terms shall mean as follows:

- 1.1 "**Khách hàng**": Là chủ tài khoản giao dịch chứng khoán có thông tin đặc định ghi trong phần thông tin khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK.

"Customer" means the securities trading account holder with specific information recorded in the Customer information section on the SA Opening Contract.

- 1.2 "**VPS**": Là Công ty cổ phần Chứng khoán VPS (gồm cả sau khi được đổi tên hoặc doanh nghiệp tiếp tục tồn tại sau khi tổ chức lại và kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Chứng khoán VPS theo Hợp đồng mở TKCK).

"VPS" means VPS Securities Joint Stock Company (including any entity renamed or reorganized from and inherited the rights and obligations of VPS Securities Joint Stock Company under the SA Opening Contract.)

- 1.3 "**TKCK**": Là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng với số ghi tại trang đầu của Hợp đồng mở TKCK và các tài khoản, tiểu khoản khác được VPS mở dưới tên Khách hàng gắn với tài khoản đó nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép cho Khách hàng (trong đó bao gồm cả tài khoản lưu ký, tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh và tài khoản chứng khoán ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản giao dịch ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản/tiểu khoản trong tài khoản chuyên dụng của VPS mở để quản lý tài sản của Khách hàng).

"Securities Account" ("SA"): means the Customer's securities trading account with the account number recorded on the first page of the Securities Account Opening Contract and other accounts and sub-accounts opened by VPS under the Customer's name associated with that account to provide licensed securities service to the Customer (including depository accounts, derivatives securities trading accounts and margin securities account (opened as requested by the Customer), margin trading accounts (opened as requested by the

Customer), accounts/sub-accounts affiliated to the dedicated account opened and owned by VPS to manage Customer's assets).

- 1.4 **“Lệnh”**: Là lệnh (gồm cả lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển tiền, lệnh thanh toán và lệnh giao dịch thuộc loại khác), chỉ thị, chỉ dẫn, chỉ định, hoặc tương đương do Khách hàng lập/gửi/xác nhận liên quan đến TKCK theo quy định của Hợp đồng mở TKCK.

“Order”: means an order (including buy order, sell order, money transfer order, payment order and trading order of other types), instruction, directions, designation, or equivalent made/sent/confirmed by the Customer, which is related to securities accounts according to the provisions of the Securities Account Opening Contract.

- 1.5 **“Ngày giao dịch”**: Là ngày theo lịch (không bao gồm thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ khác theo luật, kể cả nghỉ bù) mà vào ngày đó VSDC, SGDCK và ngân hàng thương mại tại Việt Nam mở cửa để hoạt động bình thường.

“Trading day” means a calendar day (excluding Saturdays, Sundays and other public holidays, including compensatory holiday) on which VSDC, Stock Exchange and commercial banks in Vietnam operate normally.

- 1.6 **“Số điện thoại”**: Là số điện thoại cố định, di động hoặc cả hai được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc số khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPS.

“Phone number”: means the landline phone number, mobile phone number or both recorded in the Customer information section on the Securities Account Opening Contract or other numbers registered to be changed by the Customer and saved in the VPS system.

- 1.7 **“Thư điện tử” (“email”)**: Là thư điện tử (email) được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc thư điện tử khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPS.

“Electronic mail” (“email”): means an electronic mail (email) address recorded in the Customer information section on the Securities Account Opening Contract or another email registered to be changed by the Customer and saved in the VPS system.

- 1.8 **“VSDC”**: Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (hoặc tổ chức kế thừa).

“VSDC”: means Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (or its successor)

- 1.9 **“SGDCK”**: Là (các) Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

“Stock Exchange”: means the stock exchange(s) in Vietnam.

- 1.10 **“Dữ liệu cá nhân”**: là thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể. Dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu cá nhân cơ bản và dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

“Personal data”: means information in the format of symbols, text, numbers, images, sounds or other similar form in electronic environment, which is associated with a specific person or allows identifying a specific person. Personal data includes basic personal data and sensitive personal data.

- 1.11 **“Dữ liệu cá nhân cơ bản”** bao gồm:

“Basic personal data” includes:

- (a) Họ, chữ đệm và tên khai sinh, tên gọi khác (nếu có);

Full birth name, other names (if any);

- (b) Ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm chết hoặc mất tích;

Date of birth; date of death or disappearance;

- (c) Giới tính;

Gender;

- (d) Nơi sinh, nơi đăng ký khai sinh, nơi thường trú, nơi tạm trú, nơi ở hiện tại, quê quán, địa chỉ liên hệ;

Place of birth, place of birth registration, permanent residence, temporary residence, current residence, hometown, contact address;

- (e) Quốc tịch;

Nationality;

- (f) Hình ảnh của cá nhân;

Personal photos;

- (g) Số điện thoại, số chứng minh nhân dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu, số giấy phép lái xe, số biển số xe, số mã số thuế cá nhân, số bảo hiểm xã hội, số thẻ bảo hiểm y tế;

Phone number, ID card number, personal identification number, passport number, driver's license number, license plate number, individual tax code, social insurance number, health insurance number

- (h) Tình trạng hôn nhân;

Marital status;

- (i) Thông tin về mối quan hệ gia đình (cha mẹ, con cái);

Information about family relationships (parents, children);

- (j) Thông tin về tài khoản số của cá nhân; dữ liệu cá nhân phản ánh hoạt động, lịch sử hoạt động trên không gian mạng;

Information about personal digital accounts; Personal data reflecting activities and history of activities in cyberspace;

- (k) Các thông tin khác gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể không thuộc dữ liệu cá nhân nhạy cảm.

Other information excluding sensitive personal data, which is associated with a specific person or allows identifying a specific person.

1.12 “**Dữ liệu cá nhân nhạy cảm**” là dữ liệu cá nhân gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân gồm:

“Sensitive personal data” means personal data associated with a Privacy Rights of Individuals to which the violation will directly affect the individual's legitimate rights and interests, including:

- (a) Quan điểm chính trị, quan điểm tôn giáo;

Political views, religious views;

- (b) Tình trạng sức khỏe và đời tư được ghi trong hồ sơ bệnh án, không bao gồm thông tin về nhóm máu;

Health status and personal life recorded in medical record, excluding information on blood group;

- (c) Thông tin liên quan đến nguồn gốc chủng tộc, nguồn gốc dân tộc;

Information related to racial and ethnic origin;

- (d) Thông tin về đặc điểm di truyền được thừa hưởng hoặc có được của cá nhân;

Information about inherited or acquired genetic characteristics of the individual;

- (e) Thông tin về thuộc tính vật lý, đặc điểm sinh học riêng của cá nhân;

Information about the individual's physical appearance and biological characteristics;

- (f) Thông tin về đời sống tình dục, xu hướng tình dục của cá nhân;

Information about the individual's sexuality and sexual orientation;

- (g) Dữ liệu về tội phạm, hành vi phạm tội được thu thập, lưu trữ bởi các cơ quan thực thi pháp luật;

Data on crimes and criminal acts collected and stored by law enforcement agencies;

- (h) Thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các tổ chức được phép khác, gồm: thông tin định danh khách hàng theo quy định của pháp luật, thông tin về tài khoản, thông tin về tiền gửi, thông tin về tài sản gửi, thông tin về giao dịch, thông tin về tổ chức, cá nhân là bên bảo đảm tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

Customer information from credit institutions, foreign bank branches, payment intermediary service providers, and other authorized organizations, including: customer identification information according to

regulations of law, account information, deposit information, deposited asset information, trading information, information about organizations and individuals who are guarantors at credit institutions and bank branches, payment intermediary service providers;

- (i) Dữ liệu về vị trí của cá nhân được xác định qua dịch vụ định vị;

Data about the individual's geographical location determined through location services;

- (j) Dữ liệu cá nhân khác được pháp luật quy định là đặc thù và cần có biện pháp bảo mật cần thiết.

Other personal data specified by law as special category data that requires appropriate security measures.

1.13 “Khu vực thị trường” bao gồm khu vực thị trường trái phiếu doanh nghiệp; khu vực thị trường cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm; khu vực thị trường phái sinh theo các quy chế, quy định của VSDC và pháp luật. Trong trường hợp quy chế, quy định của VSDC thay đổi khu vực thị trường, định nghĩa về “khu vực thị trường” tại Bộ T&C cũng sẽ được diễn giải và điều chỉnh một cách tương ứng mà không yêu cầu sửa đổi, bổ sung Bộ T&C này.

“Market area” includes the corporate bond market area; the stock, fund certificate, covered warrant market area; the derivatives market area according to the regulations and rules of VSDC and the law. In case the regulations and rules of VSDC change the definition of market area, the definition of “market area” in the T&Cs shall also be construed and adjusted accordingly without having to amend or supplement these T&Cs.

Các từ ngữ được sử dụng riêng cho một Phần của Bộ T&C sẽ được giải thích tại phần đó.

Terms used separately for a Section of these T&Cs are explained therein.

ĐIỀU A2. MỞ TÀI KHOẢN

ARTICLE A2. OPENING AN ACCOUNT

- 2.1 Theo đề nghị của Khách hàng, VPS sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách hàng. Đồng thời, VPS thực hiện::

At the request of the Customer, VPS will open a securities trading account in the Customer's name. In addition, VPS shall:

- (a) Mở tài khoản lưu ký chứng khoán và đăng ký thông tin tài khoản lưu ký vào các khu vực thị trường trên hệ thống bù trừ thanh toán của VSDC cho Khách hàng.

Open a depository account and register such depository account information in market areas on VSDC's payment and clearing system for Customer.

- (b) Mở các tài khoản/tiểu khoản hỗ trợ giao dịch chứng khoán trên tài khoản đó phù hợp với nghiệp vụ/chính sách của VPS và quy định của pháp luật có liên quan.

Open securities trading support accounts or sub-accounts on such account in accordance with the operations/policies of VPS and relevant law.

- 2.2 Bằng Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng chọn phương thức quản lý tiền trong tài khoản chuyên dụng của VPS. Nhằm quản lý tiền của Khách hàng, VPS sẽ mở tiểu khoản dưới tên Khách hàng trong tài khoản chuyên dụng. Việc thay đổi phương thức quản lý tiền sẽ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định được VPS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ.

By SA Opening Contract, Customer chose the management method of money in VPS's dedicated account. For the purpose of managing the Customer's money, VPS will open a sub-account under the Customer's name within the dedicated account. Changes in money management method may be agreed by the parties or in accordance with regulations issued/applied by VPS from time to time.

- 2.3 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, VPS cũng có thể mở tài khoản/tiểu khoản khác cho Khách hàng nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép theo yêu cầu của Khách hàng.

During the term of the SA Opening Contract, VPS may open other accounts/sub-accounts as requested by Customer from time to time to provide authorized securities services.

- 2.4 Các tài khoản và tiểu khoản này đều gắn với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

These accounts and sub-accounts are affiliated to the Customer's securities account.

ĐIỀU A3. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

ARTICLE A3. SECURITIES SERVICES

- 3.1 VPS sẽ cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ chứng khoán hoặc hỗ trợ giao dịch chứng khoán sau trên TKCK cho Khách hàng:

VPS will provide or support the following securities services on securities account to/for Customer:

- (a) Thực hiện giao dịch mua, bán và giao dịch khác đối với chứng khoán và tài sản tài chính được phép;
Carry out purchases, sales and other transactions of authorized securities and permitted financial assets;
- (b) Tham gia vào việc thanh toán tiền và bù trừ chứng khoán do Khách hàng giao dịch;
Participate in the settlement and clearing of securities traded by Customer;
- (c) Nhận tiền Khách hàng nộp/chuyển để giao dịch chứng khoán và cho các mục đích đầu tư và thanh toán được phép khác; nhận tiền của tổ chức/cá nhân khác chuyển hoặc thanh toán cho Khách hàng; quản lý nguồn tiền của Khách hàng và thực hiện lệnh/yêu cầu sử dụng tiền của Khách hàng (gồm cả thanh toán giao dịch chứng khoán, rút tiền, thanh toán cho giao dịch và mục đích khác và chuyển tiền đến tài khoản khác);
Receive money paid/transferred by Customer for securities trading and for permitted other authorized investment and payment purposes; Receive money paid/transferred by other organizations/individuals to the Customer; Manage Customer's funds and execute Customer's orders/requests to use these funds (including payment for securities transactions, withdrawals, payments for transactions and other purposes and transfer of these funds to other accounts);
- (d) Quản lý chứng khoán và tài sản được phép khác của Khách hàng;
Manage securities and other permitted assets of Customer;
- (e) Hỗ trợ Khách hàng thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán;
Support Customer in exercising the rights of securities owner;
- (f) Các dịch vụ giao dịch khác gắn với từng loại tài khoản/tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ được phép của VPS; và
Other trading services respectively involving each type of account/sub-account in accordance with VPS's permitted profession; and
- (g) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được VPS cung cấp trong từng thời kỳ và VPS công bố hoặc thông báo với Khách hàng theo quy định tại Bộ T&C này.
Other services in accordance with the regulations of the law which is provided by VPS from time to time and announced or notified to Customer by VPS according to the provisions of these T&Cs.

- 3.2 Bằng việc mở và sử dụng tài khoản giao dịch chứng khoán tại VPS, Khách hàng đồng thời đề nghị VPS cung cấp dịch vụ giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ khi và chỉ khi Khách Hàng đáp ứng các điều kiện của VPS và pháp luật có liên quan.

By opening and using a securities trading account at VPS, Customer concurrently requests VPS to provide privately-placed corporate bond trading service only if Customer satisfies VPS conditions and relevant laws.

- 3.3 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng có thể đưa ra yêu cầu đăng ký thêm/sửa đổi/hủy tiện ích, dịch vụ liên quan đến TKCK và việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng. Các yêu cầu này phải được lập thành văn bản theo quy định được VPS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ. VPS có quyền chấp thuận hoặc từ chối các yêu cầu này của Khách hàng mà không cần giải thích lý do tùy theo quy định và khả năng đáp ứng dịch vụ của VPS trong từng thời kỳ.

At any time during the term of the SA Opening Contract, Customer may request to add/modify/cancel utilities and services related to the Customer's securities account and service usage. These requests must be made in writing according to regulations issued/applied by VPS from time to time. VPS based on its regulations and ability from time to time, at its discretion, may accept or refuse these requests from Customer without providing a reason.

- 3.4 VPS có quyền cung cấp tới Khách hàng bất kỳ tính năng, tiện ích, sản phẩm, dịch vụ ("tiện ích") mà VPS phát

triển, tích hợp, kể cả tính năng thử nghiệm hay nhằm khảo sát nhu cầu người dùng hay tiện ích của bên thứ ba cung cấp qua VPS, mà không phụ thuộc vào yêu cầu hay đăng ký của Khách hàng. Khách hàng có thể từ chối/hủy tiện ích theo hướng dẫn của VPS. Khi sử dụng tiện ích đó, Khách hàng mặc nhiên xác nhận và đồng ý rằng: (i) đã đọc và nghiên cứu kỹ lưỡng các điều khoản và điều kiện của tiện ích (có thể được quy định bằng một văn bản hoặc được mô tả theo thứ tự logic các thao tác trên Hệ thống điện tử); (ii) chấp thuận rằng buộc thực hiện đúng các điều khoản và điều kiện đó; (iii) chấp thuận chi trả các khoản chi phí, thù lao (nếu có) cho VPS hoặc bên thứ ba khi sử dụng tiện ích đó theo thông báo của VPS hoặc bên thứ ba liên quan.

VPS may offer to Customer any features, utilities, products, services, including experimental features ("utilities") that are developed and integrated by VPS, or aimed to survey user needs or third-party utilities provided via VPS, regardless of Customer's request or registration. Customer may refuse/cancel the utility according to VPS instructions. When using such utilities, Customer is considered to have acknowledged and agreed that Customer has: (i) carefully read and studied the terms and conditions of the utility (which may be specified in writing or described in logical order the operations on the Electronic system); (ii) agreed to be bound by such terms and conditions; (iii) agreed to pay expenses and remuneration (if any) to VPS or a third party when using that utility as notified by VPS or the relevant third party.

ĐIỀU A4. CÁCH THỨC NHẬN LỆNH

ARTICLE A4. METHOD OF GETTING AN ORDER

4.1 VPS nhận lệnh của Khách hàng theo các cách thức sau:

VPS gets an order from Customer in the following methods:

- (a) Nhận lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch (là địa điểm giao dịch được phép của VPS);
Get an order from Customer in person at the transaction counter (which is a permitted trading location of VPS);
- (b) Nhận lệnh qua điện thoại; và
Get an order via phone; and
- (c) Nhận lệnh qua Hệ thống giao dịch điện tử theo quy định tại Phần C "THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ" của Bộ T&C này.
Get an order via the Electronic trading system as prescribed in Part C "ELECTRONIC TRADING AGREEMENT" of these T&Cs.

4.2 VPS có thể nhận lệnh của Khách hàng qua cách thức khác phù hợp với quy định của pháp luật theo chính sách/quy tắc do VPS ban hành trong từng thời kỳ.

VPS may get an order from Customer through other methods in accordance with the law and policies/rules issued by VPS from time to time.

4.3 Trong trường hợp hợp đồng/thỏa thuận mà cả VPS và Khách hàng là một bên có chứa đựng lệnh thì bằng việc ký hợp đồng/thỏa thuận đó, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho VPS và VPS được coi là nhận lệnh của Khách hàng. Tương tự, nếu Khách hàng gửi văn bản có chứa lệnh đến VPS liên quan đến giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba và VPS chấp thuận việc đó thì bằng việc gửi văn bản, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho VPS.

If any contract/agreement to which both VPS and Customer enter contains an order, by signing that contract/agreement, the Customer is considered to have made and sent the order to VPS and VPS is considered to have got it from Customer. Similarly, if Customer sends a document containing an order related to a transaction between Customer and a third party to VPS and VPS approves it, then by sending the document, Customer is deemed to have made and sent the order to VPS.

ĐIỀU A5. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LỆNH

ARTICLE A5. GENERAL PROVISIONS ON AN ORDER

5.1 Khách hàng chỉ lập và gửi lệnh theo mẫu do VPS cung cấp hoặc đồng ý và theo phương thức áp dụng cho loại lệnh đó quy định trong Hợp đồng mở TKCK.

Customer only place and send an order in the form provided or agreed by VPS and according to the method applicable to that type of order specified in the Securities Account Opening Contract.

- 5.2 Lệnh của Khách hàng phải có đủ thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật và VPS.

Customer's order must contain all required information according to the provisions of law and of VPS.

- 5.3 Khách hàng chịu trách nhiệm nghiên cứu, hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và quy định nội bộ (nếu Khách hàng là tổ chức) khi đặt và gửi lệnh tới VPS. Khi nhận được lệnh của Khách hàng, VPS được mặc nhiên coi rằng Khách hàng đã đạt được phê duyệt cần thiết theo quy định nội bộ, đã thực hiện các thủ tục bắt buộc và đạt được các chấp thuận cần thiết theo quy định pháp luật (nếu có) để đặt và gửi lệnh tới VPS. Nếu pháp luật hay quy định nội bộ yêu cầu Khách hàng thực hiện bất kỳ thủ tục nào sau khi đặt lệnh, dù lệnh đó có được thực hiện hay không thành công hay không, VPS cũng được mặc nhiên coi rằng Khách hàng sẽ thực hiện các thủ tục đó một cách thiện chí và nhanh chóng để đáp ứng các yêu cầu này.

Customer is responsible for researching, understanding and ensuring compliance with laws and internal regulations (for corporate Customer) when placing and sending an order to VPS. Upon receipt of the Customer's order, VPS considers that Customer has obtained any necessary approvals according to the internal regulations, carried out any required procedures and obtained any necessary approvals according to the laws (if any) to place and send the order to VPS. If the laws or internal regulations require Customer to carry out any procedure after placing an order, whether the order is executed or matched successfully or not, VPS considers that Customer will carry out such procedures in good faith and expeditiously to satisfy these requirements.

- 5.4 Nếu nhận được lệnh được ký bởi Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VPS) thì VPS có quyền mặc nhiên thực hiện lệnh đó. Khách hàng đồng ý loại trừ trách nhiệm cho VPS khi VPS thực hiện theo lệnh được ký bởi Khách hàng. Nếu VPS có bất kỳ lý do nào để nghi ngờ chữ ký trên lệnh không phải là chữ ký Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VPS) thì VPS có quyền trì hoãn thực hiện lệnh cho đến khi đã thực hiện xong việc xác thực cần thiết.

If getting an order signed by the Customer (or the Customer's authorized person registered with VPS), VPS will execute that order. Customer agrees to defend and hold harmless VPS from and against any liability occurred due to executing any order signed by Customer. If VPS suspects that the signature on the order is not the Customer's signature (or the Customer's authorized person registered with VPS) for any reason, VPS may delay execution of the order until signature verification has been completed.

- 5.5 Nếu nhận được lệnh của Khách hàng mà người ký lệnh không phải là người đại diện đã đăng ký với VPS thì VPS có quyền yêu cầu Khách hàng đăng ký người đại diện bổ sung trước khi thực hiện lệnh.

If getting an order signed by a person not registered at VPS as Customer's representative from Customer, VPS may request Customer to register that person as an additional representative before executing the order

- 5.6 Nếu VPS nhận được hai hay nhiều lệnh từ Khách hàng (theo cùng phương thức hoặc theo phương thức khác nhau) có nội dung mâu thuẫn nhau thì VPS có quyền từ chối thực hiện lệnh đến sau nếu đã thực hiện xong lệnh đến trước hoặc chỉ thực hiện được một phần nhưng việc thực hiện lệnh đến sau, theo đánh giá của VPS, không thể thực hiện được hoặc sẽ gây hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho VPS hoặc việc hủy lệnh đến trước là không thể thực hiện được trên thực tế.

If VPS gets two or more orders from Customer (by the same method or by different methods) containing conflict requests, VPS may refuse to execute the later order if the earlier one has been fully or partially executed, and the execution of the later order, as considered by VPS, cannot be executed or will cause or threaten to cause damage to VPS or canceling the earlier order is impossible in practice.

- 5.7 VPS chỉ thực hiện lệnh của Khách hàng sau khi Khách hàng đã đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật để lệnh có thể được thực hiện, kể cả có đủ tiền hoặc chứng khoán theo yêu cầu trên TKCK cho lệnh mua hoặc bán tương ứng.

VPS only executes the Customer's order after Customer has satisfied the conditions prescribed by law for the order to be executed, despite of having enough money or securities as required on the SA for such purchase/sell order.

- 5.8 VPS được từ chối thực hiện lệnh nếu lệnh đó được gửi đến khi đã quá khung thời gian thực hiện (xác định theo quy định của pháp luật hay quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, VSDC hoặc VPS) hoặc sau thời điểm chốt sổ (cut-off time) (xác định theo chính sách được VPS áp dụng trong từng thời kỳ và được công bố trên website của VPS).

VPS is entitled to refuse to execute an order if the order is sent after the execution time limit (determined according to the provisions of the laws or regulations of the Stock Exchange, VSDC or VPS) or after cut-off time

(determined according to the policy applied by VPS from time to time and published on the VPS website).

- 5.9 Việc lập, gửi và thực hiện lệnh của Khách hàng phải tuân thủ chính sách, quy định và quy chế do VPS áp dụng trong từng thời kỳ.

The placing, sending and executing a Customer's order must comply with the policies, regulations and rules applied by VPS from time to time.

ĐIỀU A6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

ARTICLE A6. CUSTOMER'S RIGHTS AND OBLIGATIONS

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

In addition to the rights and obligations specified in other parts of these T&Cs and the laws, Customer has the following rights and obligations:

Quyền:

Rights

- 6.1 Khách hàng là chủ sở hữu hợp pháp với toàn bộ số tiền và chứng khoán trên TKCK, được thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Customer is the legal owner of all money and securities in the securities account, and entitled to exercise the legal rights of a securities owner according to the provisions of laws.

- 6.2 Mức lãi suất trên số dư tiền có trên TKCK sẽ tuân thủ theo quy định của VPS trong từng thời kỳ.

The interest rate on the cash balance in the securities account will comply with the regulations of VPS from time to time.

- 6.3 Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 7.2 Điều A7 dưới đây, Khách hàng được rút/chuyển một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKGDCK khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt Hợp đồng mở TKCK với điều kiện tiền và chứng khoán đó không bị ràng buộc, hạn chế bởi các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào với VPS/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Except for the cases specified in Clause 7.2 Article A7 hereunder, Customer is allowed to withdraw/transfer part or all of money and securities out of the Securities Account when there is no need to trade or terminating the SA Opening Contract, provided that such money and securities are not bound, limited by any obligations or responsibilities to VPS/or to any related third party or as requested by a competent authority.

- 6.4 Khách hàng có thể đăng ký với VPS trong giờ hành chính nếu muốn được xuất hóa đơn tài chính theo ngày hoặc theo tháng (thủ tục đăng ký xuất hóa đơn tài chính thực hiện theo quy định của VPS). Nếu Khách hàng không yêu cầu cụ thể, VPS sẽ gộp phí dịch vụ của Khách hàng vào tổng mức phí dịch vụ của VPS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và/hoặc phần lãi vay của Khách hàng vào tổng mức lãi vay của VPS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và xuất hóa đơn tài chính chung cho từng tháng giao dịch vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng tương ứng.

Customer may register with VPS during office hours if customer want to receive financial invoices daily or monthly (procedures for applying for issuance of financial invoices are carried out according to VPS regulations). If the Customer does not specifically request, VPS will include the Customer's service fee in the total service fee of VPS (of all customers with trading occurrence in the month) and/or include the Customer's loan interest into the total loan interest of VPS (from all customers with trading occurrence in the month) and issue a general financial invoice for each trading month on the last trading day of the corresponding month.

- 6.5 Nếu được VPS chấp thuận trước (bằng cách xác nhận đăng ký hoặc cung cấp mặc định cho Khách hàng), Khách hàng được sử dụng các tài sản được phép theo quy định của VPS và tiện ích (được định nghĩa tại Điều A3.4) và của pháp luật để thực hiện hoặc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho các lệnh, chỉ thị gửi tới VPS.

If being approved in advance by VPS (by confirming registration or providing in default to Customer), Customer is allowed to use the permitted assets and utilities (as defined in Article A3.4) according to VPS regulations and the laws to perform or ensure the performance of payment obligations for orders and instructions sent to VPS.

Nghĩa Vụ:

Obligations

- 6.6 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp, cập nhật đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời và trung thực các thông tin về Khách hàng theo yêu cầu tại Hợp đồng mở TKCK và theo yêu cầu của VPS, cam đoan và cam kết thông tin đã cung cấp là đúng sự thật và phải thông báo cho VPS ngay khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Khách hàng phải chịu mọi trách nhiệm, rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến việc thay đổi thông tin mà không thông báo cho VPS. Các thông tin của Khách hàng trên TKCK sẽ đồng nhất với các thông tin trên tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ, tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh, các tài khoản, tiểu khoản khác mà VPS mở theo yêu cầu của Khách hàng. Khi các thông tin của TKCK có sự thay đổi đồng nghĩa với việc các thông tin tại các tài khoản, tiểu khoản khác cũng thay đổi tương ứng.

Customer is obligated to provide and update fully, quickly, promptly and truthfully information about Customer as requested in the Securities Account Opening Contract and at the request of VPS, ensure that the provided information is true, and must notify VPS immediately of any changes in the information about Customer. Customer solely takes responsibilities, bears any risks or damages related to changing the information without notifying VPS. The information about Customer on the Securities Account will be consistent with those on the Margin Account, the Derivatives Trading Account, and other accounts and sub-accounts opened by VPS opens as requested by Customer. If any information about Customer on the Securities Account changes, it leads the changes in the information about Customer on other accounts and sub-accounts accordingly.

- 6.7 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí môi giới, các khoản phí khác theo quy định của VPS hoặc các khoản phí, thù lao cho bên thứ ba cung cấp sản phẩm, dịch vụ, tiện ích cho hoặc hợp tác với Khách hàng thông qua VPS và có trách nhiệm nộp các loại thuế, phí liên quan theo quy định của pháp luật. Khách hàng mặc nhiên chấp thuận việc VPS tự động khấu trừ vào tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng các khoản thuế, phí dịch vụ trước hoặc ngay khi VPS và/hoặc bên thứ ba hợp tác, cung cấp dịch vụ theo biểu phí của VPS và bên thứ ba liên quan.

Customer is obligated to pay brokerage fees, other fees to VPS according to its regulations, or fees and remunerations to third parties who provide products, services, utilities to or in cooperation with Customer via VPS, and responsible for paying related taxes and fees according to the provisions of law. Customer implicitly agrees to VPS automatically deducting taxes and service fees from Customer's securities trading account before or upon VPS and/or any third party in cooperation relationship provides services under the fee schedule set up by VPS and related third parties.

- 6.8 Nếu Khách hàng không thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh với VPS theo Hợp đồng mở TKCK và các thỏa thuận khác có liên quan, Khách hàng đương nhiên và tự nguyện chấp thuận để VPS có toàn quyền và tự động phong tỏa, xử lý các tài sản trên TKCK và các tài sản khác (nếu có) để khấu trừ/ thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu và/hoặc phản đối nào đối với VPS.

If the Customer does not properly and fully comply with the obligations under the Securities Account Opening Contract and other related agreements, VPS considers that Customer grants to VPS the full rights to freeze and dispose assets in the securities account and other assets (if any) to deduct/fulfill the remaining obligations of Customer without any complaints, claim and/or objections to VPS.

- 6.9 Khách hàng tự chịu rủi ro đối với mọi quyết định sử dụng TKCK, tiền hay tài sản trên TKCK (Khách hàng hiểu rằng VPS không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào (dù rõ ràng hay ngụ ý) về bảo toàn vốn đầu tư của Khách hàng hay khả năng sinh lợi của vốn đầu tư).

At his own risk, Customer is responsible for any decisions to use Securities Account, money or assets in Securities Accounts (Customer acknowledges that VPS does not make any commitments or warranties, whether express or implied, regarding the preservation of Customer's investment capital or profitability of investment capital).

- 6.10 Khách hàng có nghĩa vụ chủ động tìm hiểu, nghiên cứu, hiểu rõ và tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế/quy định của VSDC, SGDCK và quy chế/quy định của VPS có liên quan trong việc mở và sử dụng TKCK, tiền và tài sản trên TKCK.

Customer has the obligation to proactively learn, research, understand and comply with the provisions of law, regulations/rules of VSDC, Stock Exchange and of VPS related to opening and using securities account, money and assets in the securities account.

- 6.11 Khách hàng phải bảo đảm tính hợp pháp về số tiền và chứng khoán Khách hàng sở hữu.

Customer must ensure the legality of the money and securities owned by Customer.

- 6.12 Khách hàng có nghĩa vụ ký/xác nhận công nợ với VPS khi có yêu cầu từ bên thứ ba và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Customer is obligated to sign/confirm any debts with VPS upon request from a third party and/or competent state agency.

- 6.13 Khách hàng có trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán chuyển nhượng trên TKCK của Khách hàng theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán hoặc VPS thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ hoặc bán chứng khoán cầm cố. *Customer is responsible for disclosing information about purchase, sale and transfer transactions on the Customer's Securities Account in accordance with the law, including but not limited to cases where Customer sells securities at his discretion or VPS executes an order to sell margin securities or pledged securities to release a mortgage.*

- 6.14 Khách hàng có nghĩa vụ thông báo tới VPS các giao dịch mà Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật.

Customer is obligated to notify VPS of transactions in which the Customer is an internal person or person having relationship to an internal person according to the law.

ĐIỀU A7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPS

ARTICLE A7. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF VPS

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, VPS có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

In addition to the rights and obligations specified in other parts of these T&Cs and the laws, VPS has the following rights and obligations:

Quyền:

Rights

- 7.1 VPS được thu phí/giá dịch vụ từ Khách hàng theo mức phí/giá đã công bố cho Khách hàng.
VPS is entitled to charge service fees/prices to Customer according to the fee schedule announced to Customer.
- 7.2 VPS được tạm khóa/phong tỏa hoặc giải tỏa một phần hoặc toàn bộ một hoặc một số TKCK:
VPS is entitled to temporarily freeze/block or release partially or completely one or several Securities Accounts:
- (a) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
As requested by a competent state agency;
 - (b) Theo thỏa thuận giữa Khách hàng và VPS;
As agreed by and between Customer and VPS;
 - (c) Theo yêu cầu của chính Khách hàng;
As requested by Customer;
 - (d) VPS phát hiện có nhầm lẫn, sai sót ghi Có (tiền, chứng khoán) vào TKCK;
VPS detects mistake in crediting (money, securities) to the Securities Account;
 - (e) Theo yêu cầu của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán do có nhầm lẫn, sai sót với yêu cầu của người chuyển tiền;
As requested by the payment service provider due to any mistakes or errors with the request of the remitter;
 - (f) Nhằm mục đích giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo của bên thứ ba; hoặc
For any purposes of resolving inquiries, complaints, claim and denunciations of any third party; or
 - (g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
Other cases as prescribed by relevant laws.
- 7.3 Khách hàng đồng ý ủy quyền không hủy ngang cho VPS được phép yêu cầu ngân hàng nơi Khách hàng mở tài

khoản tiền giao dịch chứng khoán trích số dư tiền trên tài khoản tiền để thực hiện thanh toán các lệnh mua, thanh toán các khoản phí, thuế cho các lệnh mua/bán chứng khoán đã được thực hiện của Khách hàng. VPS được phép yêu cầu ngân hàng lưu ký nơi Khách hàng mở tài khoản lưu ký phong tỏa, giải tỏa, hạn chế giao dịch, thực hiện thanh toán cho các lệnh bán đã được thực hiện của Khách hàng. VPS, bằng Hợp đồng mở TKCK, được Khách hàng đồng ý ủy quyền đàm phán, quyết định, ký kết với ngân hàng lưu ký/ mở tài khoản tiền giao dịch chứng khoán theo các điều khoản và điều kiện về quản lý, sử dụng tiền, chứng khoán để sử dụng các tiện ích, sản phẩm, dịch vụ tại VPS hoặc của bên thứ ba cung cấp qua VPS.

Customer agrees to irrevocably authorize VPS to request the bank where the Customer opens the account for money used for securities trading to deduct from the balance in account to make payment for purchase orders and for fees and taxes for securities buy/sell orders by Customer, which have been executed. VPS may request the custodian bank where the Customer opens the custodial account to block, release, limit any transactions, and make payments for the selling orders from Customer, which have been executed. By signing the Securities Account Opening Contract, Customer authorizes VPS to negotiate, decide, and sign with the custodian bank/open an account for money used for/araising from securities trading according to the terms and conditions on money/securities management and usage to use utilities, products, services provided by VPS or third parties through VPS.

- 7.4 VPS được ghi tăng/ghi giảm tiền và/hoặc chứng khoán trên TKCK theo một trong các căn cứ sau: (i) để thực hiện thanh toán theo lệnh mua/bán của Khách hàng đã được thực hiện; hoặc (ii) theo thỏa thuận giữa Khách hàng và VPS; hoặc (iii) nhằm xử lý sai sót, nhầm lẫn trong hạch toán ghi Có, ghi Nợ; hoặc (iv) theo kết quả tra soát của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; hoặc (v) theo kết quả giải quyết khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo; hoặc (vi) theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

VPS is entitled credits/debits money and/or securities into the Securities Account based on one of the following: (i) to make payment according to the Customer's buy/sell order that has been executed; or (ii) as agreed by and between Customer and VPS; or (iii) to handle errors and mistakes in credit and debit accounting; or (iv) according to the investigation results of the payment service provider; or (v) according to the results of resolving complaints, claims or denunciations; or (vi) as requested by a competent State agency.

- 7.5 VPS có quyền yêu cầu Khách hàng thực hiện các biện pháp cần thiết đảm bảo có đủ tiền, chứng khoán hoặc có các biện pháp khác theo quy định của VPS để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán đối với VPS, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bên thứ ba liên quan.

VPS is entitled request the Customer to take necessary measures to have money, securities sufficient, or apply other measures according to VPS regulations to guarantee for payment obligations by Customer to VPS, competent state agencies, and relevant third parties.

- 7.6 VPS chỉ có trách nhiệm thực hiện các giao dịch tiền, giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng và không chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch của Khách hàng.

VPS is only responsible for money and/or securities trading as requested by Customer, and is not responsible for the Customer's trading decisions.

- 7.7 VPS có quyền tạm ngừng/chấm dứt/từ chối việc mở TKCK, đăng ký, sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ trên TKCK, hoặc hủy bỏ, hạn chế sử dụng bất kỳ tiện ích, dịch vụ Khách hàng được cung cấp (kể cả sản phẩm, dịch vụ, tiện ích cung cấp qua VPS của bên thứ ba) phù hợp với quy định của VPS và của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

VPS is entitled temporarily suspend/terminate/refuse to open a securities account, register to use part or all of the services on the securities account, or cancel or limit the use of any utilities or services provided to Customer (including products, services, and utilities provided by third-party through VPS) in accordance with the regulations of VPS, of the laws, or of competent state agencies.

- 7.8 VPS có quyền khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào trên TKCK để thanh toán cho phần nghĩa vụ mà Khách hàng phải thực hiện với VPS, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc với bên thứ ba phối hợp cùng VPS để cung cấp dịch vụ cho Khách hàng.

VPS is entitled to deduct any amount from the Securities Account to pay for the obligations that the Customer must fulfilled to VPS, a competent state agency or a third party who cooperates with VPS to provide services to Customer.

- 7.9 VPS được cung cấp thông tin liên quan đến Khách hàng, TKCK và thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu

và theo thỏa thuận tại Điều A13, Bộ T&C này.

VPS is entitled provide information related to Customer, Securities Accounts and perform other transactions as authorized by Customer or according to the provisions of law to competent state agencies upon request and according to agreement in Article A13, these T&Cs.

- 7.10 VPS có quyền yêu cầu Khách hàng cập nhật thông tin liên quan đến Khách hàng khi TKCK còn hoạt động và tại bất kỳ thời điểm nào mà không phụ thuộc vào hiệu lực của Hợp đồng mở TKCK đã ký kết với Khách hàng.

At any time, VPS is entitled to request Customer to update information related to the Customer while the Securities Account is still active, regardless of the validity of the Securities Account Opening Contract signed with Customer.

Nghĩa Vụ:

Obligations

- 7.11 VPS phải quản lý tách bạch tiền gửi/tài sản của Khách hàng với tiền gửi/tài sản của Khách hàng khác và với tiền/tài sản của chính VPS.

VPS must manage Customer's deposits/assets separately from other customers' deposits/assets and from VPS's own money/assets.

- 7.12 VPS phải công bố mức phí/giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trước khi Khách hàng thực hiện giao dịch.

VPS must announce the service fee/price of securities trading services before Customer conducts the transaction.

- 7.13 VPS có nghĩa vụ cập nhật thông tin thay đổi của Khách hàng liên quan đến TKCK khi Khách hàng có yêu cầu.

VPS is obligated to update Customer's changed information related to Securities Account as requested by Customer.

- 7.14 VPS phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế hay quy định có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng liên quan đến TKCK.

VPS must comply with relevant laws, regulations or rules in providing services related to Securities Account to Customer.

- 7.15 VPS không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không được phép của Khách hàng, trừ trường hợp pháp luật quy định hoặc các bên có thỏa thuận khác.

VPS may not use the Customer's money and securities without the Customer's permission, unless otherwise required by law or agreed upon by the parties.

- 7.16 VPS có nghĩa vụ thông báo thông tin về chứng khoán, thông tin về thực hiện quyền phát sinh từ chứng khoán và các thông báo khác trên website chính thức của VPS và/hoặc các phương thức khác do VPS lựa chọn phù hợp với quy định của pháp luật.

VPS is obligated to notify information about securities, information about exercising rights arising from securities and other notices by posting on VPS's official website and/or other methods chosen by VPS in accordance with provisions of the laws.

- 7.17 VPS có nghĩa vụ thông báo kết quả khớp lệnh cho Khách hàng bằng các hình thức do VPS quy định từng thời kỳ.

VPS is obligated to notify Customer of order matching results by methods prescribed by VPS from time to time.

ĐIỀU A8. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THANH TOÁN

ARTICLE A8. GENERAL PROVISIONS ON PAYMENT

- 8.1 Bằng việc ký kết và xác nhận Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng đồng ý cho VPS được quyết định các biện pháp cần thiết đảm bảo khả năng thanh toán của Khách hàng đối với các lệnh được thực hiện và/hoặc các nghĩa vụ đến hạn của Khách hàng với VPS và bên thứ ba cung cấp dịch vụ/ hợp tác/ giao dịch với Khách hàng thông qua VPS (bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ thanh toán về các loại phí, thuế). Các biện pháp đó có thể là: chuyển đủ tiền/ chứng khoán vào TKCK đáp ứng yêu cầu của lệnh mua, lệnh bán tương ứng; hoặc yêu cầu bên thứ ba sử dụng tiện ích (được định nghĩa tại Điều A3.4) để bù đắp cho nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng; hoặc các biện pháp khác trong phạm vi và chừng mực mà pháp luật cho phép. Để làm rõ, VPS có quyền tự mình

hoặc yêu cầu bên thứ ba liên quan để phong tỏa, hạn chế giao dịch, hạn chế chuyển giao (dưới mọi hình thức) đối với các tiện ích (và tài sản hình thành từ tiện ích đó, kể cả tài sản hình thành trong tương lai). VPS và bên thứ ba liên quan chỉ có nghĩa vụ giải tỏa, gỡ bỏ mọi hạn chế giao dịch, hạn chế chuyển giao (dưới mọi hình thức) các tiện ích khi xử lý, định đoạt các tài sản hình thành từ tiện ích đó, kể cả tài sản hình thành trong tương lai, để bù đắp nghĩa vụ thanh toán của Khách hàng (với chính VPS hoặc bên thứ ba) hoặc khi nghĩa vụ đó đã được thực hiện và hoàn thành.

By signing and confirming the Securities Account Opening Contract, Customer agrees that VPS has the right to decide on necessary guarantees for Customer's payment for orders that have been executed and/or obligations (including but not limited to payment obligations for fees and taxes) that are due to be paid to VPS and any third party who provides services/cooperation/transactions to Customer through VPS. Such guarantees may be: having enough money/securities in the securities account to satisfy the requirements of the corresponding buy/sell orders; or requesting the third party to use the utility (defined in Article A3.4) to offset the Customer's payment obligations; or other guarantees within the scope and extent permitted by law. To clarify, VPS may itself take procedures, or request relevant third party to freeze, restrict transactions of, and restrict transfers (in any methods) of utilities (and assets formed from these utilities, including those formed in the future). VPS and related third party are only obligated to release and remove all transaction restrictions and transfer restrictions (in any methods) of utilities by handling and disposing of assets formed from these utilities, including those formed in the future, to offset Customer's payment obligations (to VPS itself or a third party) or when such obligations have been performed and completed.

- 8.2 Khách hàng đồng ý và chấp thuận cho VPS nhân danh và đại diện Khách hàng để làm việc, đàm phán, thỏa thuận, định giá, ký kết với bên thứ ba (nếu cần thiết) để quyết định phương thức xử lý tiện ích, định đoạt các tài sản hình thành từ tiện ích đó và thứ tự ưu tiên thanh toán của các nghĩa vụ tài chính của Khách hàng.

Customer agrees and consents to VPS on behalf of and representing Customer to work, negotiate, agree, price, sign with third parties (if necessary) to decide on methods of handling utilities, disposing the assets formed from that utility and the payment priority for the Customer's financial obligations.

- 8.3 Khách hàng đồng ý và chấp thuận cho VPS được thực hiện quyền, quyền hạn tại Điều A8.2 và A8.3 kể trên mà không cần thêm bất kỳ chấp thuận hay chỉ thị nào của Khách hàng.

Customer agrees and consents to VPS exercising the rights and powers mentioned in Articles A8.2 and A8.3 above without any further approval or instruction from Customer.

- 8.4 Khách hàng có nghĩa vụ nhận nợ và thanh toán giá trị còn lại nếu VPS đã thực hiện các biện pháp theo Điều A8.2, A8.3 mà vẫn không bù đắp được toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Khách hàng.

Customer is obligated to acknowledge the debt and pay the outstanding value if guarantees mentioned in Articles A8.2 and A8.3 cannot offset the entire financial obligations of Customer to VPS.

- 8.5 Tiền dùng để giao dịch chứng khoán là Đồng Việt Nam. Trường hợp pháp luật và quy định của VPS cho phép, Khách hàng có thể chuyển tiền giao dịch chứng khoán bằng ngoại tệ được VPS chấp nhận. Thời gian và phương thức chuyển đổi ngoại tệ sang đồng Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn của VPS, ngân hàng thanh toán và pháp luật.

The currency used for securities trading is Vietnamese Dong. In cases where the law and VPS's regulations allow, the Customer may transfer securities transaction in foreign currency under VPS's acceptance. The period and method of converting foreign currency to Vietnamese Dong shall be carried out according to the guidance of VPS, the paying bank and the law.

- 8.6 Không phụ thuộc vào quy định tại Điều A11.8 dưới đây, Khách hàng mặc nhiên đồng ý và chấp thuận với kết quả tính toán của VPS để thực hiện bất kỳ công việc được nêu tại Điều A8 Bộ T&C này.

Notwithstanding the provisions in Article A11.8 below, Customer is considered to have agreed and accepted the calculation results made by VPS to perform any work stated in Article A8 of these T&Cs.

ĐIỀU A9. THÔNG TIN LIÊN LẠC

ARTICLE A9. CORRESPONDENCE

- 9.1 Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho VPS bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát của bên thứ ba (kể cả bưu chính hay chuyển phát) đến trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch hay điểm giao dịch được phép khác của VPS theo địa chỉ tương ứng được công bố trên website của VPS trong từng thời kỳ.

Customer may send information and notices to VPS by hand delivery or via third-party delivery services (including

postage or delivery) to headquarters, branches, transaction offices or authorized transaction points of VPS as published on VPS's website from time to time.

- 9.2 VPS có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ ghi trên Hợp đồng mở TKCK hoặc công bố tại các trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch của VPS hoặc địa chỉ khác đã được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPS. VPS cũng có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện (có ghi âm) hoặc gửi tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và qua Thư điện tử.

VPS may send information and notices to Customer by hand delivery or via delivery service to the address stated on the SA Opening Contract or publishing at the head office, branch, transaction offices of VPS or another address registered to be changed by Customer and saved in VPS's system. VPS may also send information and notice to Customer by calling (with recording) or sending messages (SMS) to Phone Number and Email address.

- 9.3 Một thông tin/thông báo (nếu có) được xem là đã gửi thành công:

An information/a notice (if any) is considered sent successfully:

- (a) Nếu gọi điện, tại thời điểm cuộc gọi kết thúc thành công và được ghi âm;

At the time the call is successfully completed and recorded, if sent via phone call;

- (b) Nếu gửi qua tin nhắn (SMS), khi người gửi nhận được thông báo của nhà cung cấp dịch vụ chuyển tin nhắn rằng tin nhắn đã được gửi (delivered) thành công;

when the sender receives notification from the message delivery service provider that the message has been successfully delivered, if sent via messaging service (SMS);

- (c) Nếu gửi qua thư điện tử, khi thư điện tử có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử người nhận và thư điện tử đã được lưu vào mục "Thư đi" (Sent) trong hòm thư của người gửi và trong vòng 24h từ thời điểm thư điện tử đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư điện tử đó không được gửi thành công; và

when the relevant email is sent to the correct recipient's email address and the email has been saved in the "Sent" folder in the sender's mailbox and within 24 hours from the time the email is saved, the sender does not receive any automatic notification that the email was not sent successfully, if sent via email; and

- (d) Nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo có liên quan.

At the time of confirmation of receipt of the parcel containing the relevant notice, if sent by courier service;

- (e) Nếu gửi thông tin, thông báo qua Hệ thống giao dịch điện tử: Cách thức gửi và thời điểm nhận được thông tin, thông báo sẽ theo quy định của Phần C "Thỏa Thuận Giao Dịch Điện Tử".

If sending information and notices via the Electronic Trading System: The method of sending and the time of receiving information and notices will comply with the provisions of Part C "Electronic Trading Agreement".

Để làm rõ, VPS không có nghĩa vụ phải xác minh việc Khách hàng đã nhận được các thông báo được VPS gửi tới Khách hàng.

For clarity, VPS has no obligation to verify Customer's receipt of notices sent by VPS to Customer.

ĐIỀU A10. SỬA ĐỔI

ARTICLE A10. AMENDMENTS

Hợp đồng mở TKCK có thể được sửa đổi theo một trong các cách thức sau:

The SA Opening Contract can be amended in one of the following ways:

- 10.1 Theo thông báo của VPS hoặc công bố trên website của VPS và Khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ có liên quan tại VPS; hoặc

According to VPS's notices or announcements posted on VPS's website and Customer continues to use relevant services at VPS; or

- 10.2 Theo thông báo của VPS và Khách hàng gửi chấp thuận hoặc không gửi phản đối trong thời gian nêu trong thông báo đó; hoặc

According to VPS' notice and Customer sends approval or does not send any objection within the period stated in that notice; or

- 10.3 Theo thỏa thuận bằng văn bản được ký giữa VPS và Khách hàng (theo cách thức truyền thống hoặc theo phương thức giao dịch điện tử).

According to the written agreement signed by and between VPS and Customer (by traditional method or electronic transaction method).

Việc sửa đổi theo một trong các cách trên có giá trị và hiệu lực ràng buộc với các bên.

Amendments made in one of the mentioned-above ways are valid and binding on the parties.

ĐIỀU A11. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

ARTICLE A11. RESPONSIBILITIES OF EACH PARTIES

- 11.1 VPS phải bồi thường cho Khách hàng đối với thiệt hại/tổn thất mà Khách hàng thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc VPS có hành vi vi phạm Hợp đồng mở TKCK một cách chủ ý hoặc lừa dối.

VPS must compensate Customer for any damages/losses that Customer actually suffers from VPS's intentional or fraudulent breach of the Securities Account Opening Contract.

- 11.2 Khách hàng phải bồi thường cho VPS (hoặc bên thứ ba do VPS chỉ định) đối với thiệt hại/tổn thất mà VPS (hoặc bên đó) thực tế gánh chịu phát sinh từ việc Khách hàng sử dụng TKCK và dịch vụ tại VPS hoặc Khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng mở TKCK hoặc có hành vi lừa dối. Để làm rõ, nghĩa vụ này độc lập với nghĩa vụ hoàn trả cho VPS bất kỳ khoản tiền, khoản phí nào theo thỏa thuận tại Bộ T&C này.

Customer must compensate VPS (or a third party designated by VPS) for any damages/losses that VPS (or that party) actually suffers from Customer's usage of Securities Account and services at VPS, or Customer violates the law, the Securities Account Opening Contract, or commits fraudulent acts. To clarify, this obligation is separated from payment obligation to VPS for any amounts or fees as agreed in these T&Cs.

- 11.3 VPS được miễn/loại trừ trách nhiệm với Khách hàng nếu VPS không thực hiện hành động mà theo đánh giá của VPS, việc thực hiện hành động đó sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật.

VPS is exempted/excluded from any liability to Customer if VPS fails to take an action that, after consideration, may lead to a violation of the law.

- 11.4 VPS không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật của Khách hàng. VPS cũng không phải chịu trách nhiệm do hành vi của bất kỳ bên thứ ba nào mà không phải là đại diện của VPS.

VPS is not responsible for Customer's violations of law. VPS is also not responsible for any acts of any third party that is not a representative of VPS.

- 11.5 Khách hàng hiểu rằng mình phải tự quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đó của mình (ý kiến của nhân viên môi giới, nhân viên tư vấn đầu tư chỉ có ý nghĩa tham khảo).

Customer acknowledges that he must make his own investment decisions and is responsible for his own decisions (any consultations to brokers and investment consultants are for reference only).

- 11.6 Khi Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền ký tên vào lệnh hoặc một hình thức khác tương đương (trong trường hợp Khách hàng thực hiện giao dịch online), Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi yêu cầu VPS thực hiện lệnh.

When Customer or the person authorized by the Customer signs an order or another equivalent (in case Customer conducts an online transaction), the Customer acknowledges that he has carefully considered before requesting VPS to execute the order.

- 11.7 Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch do VPS thực hiện theo lệnh của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo cách thức đặt lệnh được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng mở TKCK. Nếu Khách hàng ủy quyền cho người khác giao dịch bằng các hình thức ủy quyền theo quy định của pháp luật thì các giao dịch được thực hiện bởi người được Khách hàng ủy quyền được coi là giao dịch của chính Khách hàng.

The Customer acknowledges and accepts the trading results carried out by VPS according to an order of Customer or the person authorized by Customer according to the order placement method agreed upon by the parties in the Securities Account Opening Contract. If Customer authorizes another person to transact using the

methods of authorization prescribed by law, the transactions performed by the person authorized by the Customer are considered as Customer's own transactions.

- 11.8 Khách hàng và người ủy quyền hợp pháp của Khách hàng có trách nhiệm theo dõi và tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền, số dư chứng khoán trên TKCK và chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường. Nếu có thắc mắc liên quan tới TKCK, giao dịch đã được thực hiện cũng như những dịch vụ do VPS cung cấp (kể cả sai sót, giao dịch trái thẩm quyền) thì Khách hàng phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới VPS trong vòng 24h kể từ ngày phát sinh giao dịch hoặc từ ngày diễn ra sự thay đổi trên TKCK của Khách hàng. Sau thời hạn này, nếu Khách hàng không có bất kỳ phản đối nào, Khách hàng được xem là mặc nhiên xác nhận các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán của Khách hàng trên TKCK. VPS không có trách nhiệm đối với các giao dịch nào được thực hiện trên TKCK ngoại trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thực hiện theo đúng Hợp đồng mở TKCK và đã được xác minh là có sai sót, gian lận hoặc giao dịch trái thẩm quyền do lỗi của VPS.

Customer and Customer's authorized person are responsible for monitoring and personally checking the trading status, cash balance, securities balance in the Securities Account and actively monitoring stock market fluctuations. For any questions related to Securities Account, transactions that have been performed as well as services provided by VPS (including errors, unauthorized transactions), Customer must send a written request to VPS within 24 hours of the transaction or of the change on Customer's Securities Account. If the Customer does not have any objections, after that period, Customer is considered to have confirmed his/her transactions, cash balance and securities balance in the SA. VPS is not responsible for any transactions performed via the Securities Account except for transactions performed by Customer in accordance with the Securities Account Opening Contract and verified to have errors, fraud or be illegal transactions at VPS's fault.

- 11.9 Khách hàng cam đoan rằng nội dung và việc ký Hợp đồng mở TKCK đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng và người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.

Customer warrants that the content and entering into the Securities Account Opening Contract have been fully and validly approved by the Customer's internal agencies/authorities and the signatory representing Customer on the trading documents is the legal representative of Customer.

- 11.10 Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho VPS các thông tin về việc trở thành/không còn là người nội bộ, người liên quan của người nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng và/hoặc thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với các trường hợp cần thực hiện công bố thông tin trong quá trình giao dịch chứng khoán tại VPS.

Customer is responsible for notifying VPS of information about becoming/no longer being an internal person, a related person of an internal person of a public company/public fund and/or disclosing information according to regulations for cases where information disclosure is required during the securities trading process at VPS.

- 11.11 Trong mọi trường hợp, Khách hàng cam đoan đã và sẽ tìm hiểu, nắm bắt và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của VPS liên quan đến việc giao dịch chứng khoán, sử dụng tài khoản chứng khoán của Khách hàng và các quy định về phòng chống rửa tiền.

In all cases, Customer undertakes to have and will learn, understand and strictly comply with the provisions of laws and of VPS, which are related to securities trading and usage of Customer's Securities Account and anti-money laundering regulations.

ĐIỀU A12. HIỆU LỰC, CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ

ARTICLE A12. VALIDITY, TERMINATION AND LIQUIDATION

- 12.1 Hợp đồng mở TKCK có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết hoặc thời điểm VPS đồng ý mở Tài khoản chứng khoán cho Khách hàng, tùy thời điểm nào đến sớm hơn.

The SA Opening Contract takes effect after two parties enter into the contract or VPS agrees to open a securities account for the Customer, whichever comes first.

- 12.2 Hợp đồng mở TKCK có thể bị chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của các bên khi Hợp đồng mở TKCK bị chấm dứt sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

The Securities Account Opening Contract may be terminated by written agreement between the parties. In this case, the rights and obligations of the parties when the Securities Account Opening Contract is terminated will be according to the written agreement between the parties.

- 12.3 VPS có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK trong các trường hợp sau:

VPS may unilaterally terminate the Securities Account Opening Contract in the following cases:

- (a) Khách hàng vi phạm pháp luật trong việc mở/sử dụng TKCK hoặc dịch vụ tại VPS mà theo đánh giá của VPS vi phạm đó gây hoặc có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mình;

Customer violates the law in opening/using Securities Accounts or services provided by VPS, and VPS considers that such violation causes or may cause adverse effects on it;

- (b) VPS phải chấm dứt Hợp đồng mở TKCK theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền;

VPS must terminate the Securities Account Opening Contract as requested by a Competent Authority;

- (c) Khách hàng vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK hoặc quy định của VPS trong quá trình sử dụng TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày Khách hàng nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ VPS;

Customer seriously violates the Securities Account Opening Contract or the regulations of VPS during the process of using the Securities Account and that violation is not remedied within 15 (fifteen) days from the date Customer receives the written notice of that violation from VPS;

- (d) Khách hàng hạn chế, rút lại sự đồng ý xử lý thông tin, dữ liệu cá nhân hoặc đề nghị VPS hủy bỏ, chấm dứt xử lý dữ liệu, thông tin cá nhân đã cung cấp cho VPS mà VPS đánh giá rằng việc hủy bỏ, chấm dứt xử lý dữ liệu, thông tin cá nhân đó làm ảnh hưởng tới việc cung cấp dịch vụ hoặc duy trì hoạt động của tài khoản chứng khoán của Khách hàng;

Customer restricts, withdraws the consent to process his personal information and data or requests VPS to cancel or stop processing the personal information and data provided to VPS. To which, VPS considers that the cancellation or termination of processing of such personal information and data may affect the provision of services or maintenance of Customer's securities account;

- (e) Khách hàng có hành vi lừa dối, kể cả cung cấp sai thông tin cho thủ tục “nhận biết Khách hàng” hoặc mở tài khoản;

The Customer commits fraudulent acts, including providing false information for the procedure of "Customer identification" or account opening;

- (f) VPS đề xuất sửa đổi Hợp đồng mở TKCK mà Khách hàng không đồng ý;

VPS proposes to amend the Securities Account Opening Contract, but Customer does not agree with;

- (g) VPS ngừng thực hiện và rút nghiệp vụ môi giới chứng khoán;

VPS stops and withdraws performing securities brokerage operations;

- (h) VPS ngừng kinh doanh chứng khoán;

VPS stops trading securities;

- (i) VPS thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn đến dừng hoạt động và tổ chức được hình thành từ việc tổ chức lại không kế thừa quyền và nghĩa vụ của VPS theo Hợp đồng mở TKCK;

VPS reorganizes the enterprise leading to cessation of operations and the reorganized entity does not inherit the rights and obligations of VPS under the Securities Account Opening Contract;

- (j) VPS bị đình chỉ hoạt động, hủy bỏ tư cách thành viên giao dịch, thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; và

- (k) VPS is suspended from operation, has its trading membership, depository membership, clearing membership revoked, is dissolved or has its Establishment and Operation License revoked; and Các trường hợp khác do VPS đơn phương xét thấy cần đơn phương chấm dứt Hợp đồng.

Other cases where VPS unilaterally considers it necessary to unilaterally terminate the Contract.

VPS thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách hàng. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

VPS exercise the right to unilateral terminate the Contract by sending written notice to Customer. The SA Opening Contract will be terminated on the date stated on the notice, provided that the intended termination date is not earlier than 10 days from the date of sending the notice.

- 12.4 Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK nếu VPS vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày VPS nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ Khách hàng. Khách hàng thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VPS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

Khách hàng cũng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK vì bất kỳ lý do nào khác bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VPS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 30 ngày từ ngày gửi thông báo.

Customer may unilaterally terminate the Securities Account Opening Contract if VPS seriously violates the Securities Account Opening Contract and that violation is not remedied within 15 (fifteen) days from the date VPS receives the written notice of such violation from Customer. Customer exercises this right by sending a written notice to VPS. The Securities Account Opening Contract will be terminated on the date stated on that notice, provided that the intended termination date is not earlier than 10 days from the date of sending the notice.

Customer also may unilaterally terminate the Securities Account Opening Contract for any other reason by sending a written notice to VPS. The Securities Account Opening Contract will be terminated on the date stated on that notice, provided that the intended termination date is not earlier than 30 days from the date of sending the notice.

- 12.5 Cho dù Hợp đồng mở TKCK này chấm dứt trong bất kỳ tình huống nào trên đây, các bên sẽ cùng nhau tiến hành thủ tục thanh lý để cho phép:

In spite of terminating the Securities Account Opening Contract for any reason or conditions mentioned above, the parties will jointly carry out liquidation procedures to allow:

- (a) VPS chuyển giao tiền và tài sản còn trên TKCK (sau khi đã khấu trừ các loại thuế, phí và nghĩa vụ còn tồn đọng với VPS hoặc bên thứ ba (thông qua VPS));

VPS to transfer money and assets remaining in the Securities Account (after deducted for outstanding taxes, fees and obligations to be paid to VPS or third parties (through VPS));

- (b) Khách hàng thanh toán đủ các khoản phí, chi phí và thuế còn tồn đọng (nếu có) liên quan đến TKCK; và
Customer to pay all outstanding fees, costs and taxes (if any) related to the Securities Account; and

- (c) VPS đóng TKCK.

VPS to close the Securities Account.

- 12.6 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc chấm dứt Hợp đồng mở TKCK không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại Điều A13 vẫn tiếp tục áp dụng sau khi Hợp đồng mở TKCK chấm dứt.

Unless the parties agree otherwise, termination of the Securities Account Opening Contract does not affect the rights and obligations of the parties, which arise before termination. The provisions in Article A13 will survive the termination of the Securities Account Opening Contract.

ĐIỀU A13. BẢO MẬT & SỬ DỤNG THÔNG TIN

ARTICLE A13. CONFIDENTIALITY & USE OF INFORMATION

- 13.1 Mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký kết và thực hiện Hợp đồng mở TKCK và chỉ được tiết lộ (i) khi được bên kia chấp thuận trước, (ii) nhằm tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết tranh chấp hoặc (iii) theo quy định tại các Điều A13.2, A13.3 và A13.4 dưới đây.

Each party is responsible for keeping the signing and implementation of the Securities Account Opening Contract confidential and may only disclose it (i) with the prior consent from the other, (ii) complying with the law or as requested by a State competent agency, or for dispute resolution or (iii) as prescribed in Articles A13.2, A13.3 and A13.4 hereunder.

- 13.2 Nếu là cá nhân, Khách hàng đồng ý rằng VPS có quyền thu thập, xử lý các thông tin về Khách hàng (bao gồm nhưng không giới hạn là dữ liệu của Khách hàng, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, tài khoản, tài sản và giao dịch của TKCK có liên quan, hình ảnh, video, các cuộc gọi điện thoại tới VPS (tổng đài hoặc kênh liên lạc chính thức khác hoặc hệ thống giao dịch điện tử của VPS)) là dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật và Bộ T&C này. Khách hàng đồng ý và cho phép VPS xử lý thông tin về Khách hàng mà VPS nhận được liên quan đến hoặc

theo Bộ T&C này, giao dịch giữa Khách hàng và VPS hay giao dịch giữa Khách hàng và bên thứ ba qua hệ thống/dịch vụ của VPS (gọi chung là “**Thông tin**”) với mục đích được đề cập ở Điều A13.3, A13.4 dưới đây. Thời gian xử lý Thông tin sẽ bắt đầu kể từ ngày Khách hàng cung cấp thông tin để mở TKCK và sử dụng các dịch vụ, tiện ích tại VPS cho đến khi Khách hàng có văn bản đề nghị VPS không lưu giữ và xử lý thông tin (với điều kiện việc đó không làm ảnh hưởng đến khả năng cung cấp dịch vụ của VPS đến khách hàng).

*For an individual customer, Customer agrees that VPS has the right to collect and process information about Customer (including but not limited to Customer data, address, business line, account, assets and transactions of the relevant Securities Account, images, videos, phone calls to VPS (via switchboard or other official communication channel or electronic trading system of VPS)), which are personal data according to provisions of law and these T&Cs. Customer agrees and allows VPS to process information about Customer that VPS receives in connection with or under these T&Cs, transactions between Customer and VPS or transactions between Customer and any third parties through the system/service provided by VPS (collectively referred to as “**Information**”) for the purposes mentioned in Articles A13.3, A13.4 hereunder. Information processing time will start from the date Customer provides information to open a Securities Account and use services and utilities provided by VPS until Customer sends a written request to VPS not to store and process the information (provided that this request does not affect the VPS operations to provide the services to Customer).*

- 13.3 Bằng việc ký kết, thực hiện Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng và VPS đồng ý và xác nhận rằng, mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký kết và thực hiện Hợp đồng mở TKCK và chỉ được cung cấp, tiết lộ thông tin, xử lý Thông tin¹ trong các trường hợp sau:

By signing and implementing the Securities Account Opening Contract, Customer and VPS agree and confirm that each party is responsible for keeping the signing and implementation of the Securities Account Opening Contract confidential and may only provide, disclose, and process the information in the following cases:

- (a) Theo quy định tại Điều A13.1 kể trên; và/hoặc

According to the provisions of Article A13.1 above; and/or

- (b) Nhằm phục vụ việc tuân thủ nội bộ và vận hành của VPS, theo đó, Khách hàng cho phép VPS xử lý (kể cả gửi ra bên ngoài địa điểm kinh doanh của VPS) và trao đổi thông tin với người khác mà VPS thấy cần thiết trong các trường hợp sau:

For VPS's internal compliance and operations, Customer hereby permits VPS to process (including sending outside VPS place of business) and exchange the information with others if VPS considers to be necessary in the following cases:

- (i) Nhằm cung cấp dịch vụ cho Khách hàng (gồm cả cho VSDC, các SGDCK, đối tác giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho Khách hàng phụ trợ cho dịch vụ của VPS);

To provide services to Customer (including to VSDC, Stock Exchanges, Customer's trading partners and third parties providing services/products that support VPS's services to Customer);

- (ii) Nhằm hỗ trợ hay tạo điều kiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của bên thứ ba qua VPS;

To support or facilitate Customer to use third-party products/services through VPS;

- (iii) Liên quan đến hoạt động hợp pháp của VPS nhằm tăng chất lượng dịch vụ/trải nghiệm cho Khách hàng nói chung (trong đó có hoạt động chấm điểm tín dụng (credit scoring), phân tích thị trường, nghiên cứu và phân tích nhu cầu Khách hàng và các mục đích vận hành và quản trị khác);

To increase the quality of service/experience for Customer in general (including credit scoring, market analysis, research and analysis of customers' demands, and other operational and administrative purposes) to the extent of legal activities of VPS;

¹ Xử lý thông tin là một hoặc nhiều hoạt động tác động tới dữ liệu cá nhân nói chung và dữ liệu khách hàng, như: thu thập, ghi, phân tích, xác nhận, lưu trữ, chỉnh sửa, công khai, kết hợp, truy cập, truy xuất, thu hồi, mã hóa, giải mã, sao chép, chia sẻ, truyền đưa, cung cấp, chuyển giao, xóa, hủy dữ liệu cá nhân hoặc các hành động khác có liên quan.

Information processing is one or more activities that affect personal data in general and customer data in particular, including but not limited to: collecting, recording, analyzing, confirming, storing, editing, publishing, combining, accessing, retrieving, recovering, encrypting, decrypting, reproducing, sharing, transmitting, providing, transferring, deleting, destroying personal data or other related actions

- (iv) Nhằm thực hiện nghĩa vụ của VPS với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả nhằm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền);

To fulfill VPS's obligations to competent state agencies (including reporting or providing information as requested by a competent state agency);

- (v) Nhằm mục đích kiểm soát rủi ro;

To control risks;

- (vi) Nhằm cung cấp cho Văn phòng/Công ty Luật, Công ty/Đối tác mua bán nợ, Các tổ chức cấp tín dụng cho VPS, các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cho VPS liên quan đến phát triển khách hàng, phát triển hệ thống theo nhu cầu của VPS; và

To provide Law Offices/Firms, Debt Trading Companies/Partners, organizations granting credit to VPS, organizations and individuals providing services to VPS related to customer development, system development based on VPS's demands; and

- (vii) Nhằm thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và thực hiện giao dịch, dịch vụ báo cáo, lưu ký, giám sát, quản lý rủi ro và các dịch vụ khác được phép.

To hire a third party to provide data processing and transaction execution services, reporting services, custody, supervision, risk management and other permitted services.

(sau đây gọi chung các bên nhận thông tin từ VPS tại Điều A13.3(b) là “Bên được cung cấp thông tin”)

(parties receiving information from VPS in Article A13.3(b) hereinafter referred to as “Parties to whom the information is provided”)

13.4 VPS và Bên được cung cấp thông tin được quyền xử lý Thông tin và với nội dung sau:

VPS and the Parties to whom the information is provided are entitled to process the Information as follows:

- (a) Loại dữ liệu được xử lý: Toàn bộ thông tin của Khách hàng.

Type of data to be processed: All Customer information.

- (b) Mục đích xử lý dữ liệu Thông tin: theo quy định tại Điều A13.3, (b) kể trên.

Purpose of processing Information data: according to the provisions of Article A13.3, (b) above.

- (c) Tổ chức, cá nhân được xử lý dữ liệu Thông tin: VPS và/hoặc Bên được cung cấp thông tin.

Organizations and individuals have right to process the information: VPS and/or the Parties to whom the information is provided.

- (d) Các quyền, nghĩa vụ của VPS: VPS có các quyền, nghĩa vụ của Chủ thể dữ liệu theo quy định của Bộ T&C này và quy định của pháp luật có liên quan về bảo vệ dữ liệu cá nhân (có hiệu lực trong từng thời kỳ).

Rights and obligations of VPS: VPS has the rights and obligations of the Data Subject according to the provisions of these T&Cs and relevant laws on personal data protection (which are effective from time to time).

- (e) Cách thức xử lý dữ liệu Thông tin: do VPS quyết định và/hoặc Bên được cung cấp thông tin quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Method of processing Information data: decided by VPS and/or the Parties to whom the information is provided from time to time in accordance with relevant legal regulations.

- (f) Hậu quả, thiệt hại không mong muốn có thể xảy ra: Trong trường hợp xảy ra bất kỳ hậu quả, thiệt hại không mong muốn nào thì Bên có lỗi sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho Bên còn lại theo phán quyết của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Unexpected consequences and damages that may occur: In case of any unexpected consequences or damages, the at-fault Party will be responsible for compensating for damages (if any) to the other according to the decision of the competent state agency, or relevant laws.

Để làm rõ, Khách hàng cam kết đã hiểu rõ quyền và nghĩa vụ với tư cách là Chủ thể của Thông tin, Khách hàng đã đọc, biết rõ và đồng ý toàn bộ các nội dung liên quan đến việc cung cấp và xử lý dữ liệu Thông tin cũng như

việc đã được VPS thông tin đầy đủ việc cung cấp và xử lý dữ liệu Thông tin trước khi cung cấp Thông tin cho VPS. Khách hàng đồng ý miễn trừ cho VPS, Bên được cung cấp thông tin mọi trách nhiệm liên quan khi VPS, Bên được cung cấp thông tin thực hiện việc cung cấp, xử lý dữ liệu Thông tin theo quy định tại Điều này.

To clarify, Customer commits to have clearly understood the rights and obligations as a Subject of Information, Customer has read, clearly understood and agreed to all regulations related to the provision and processing of information data as well as having been fully informed by VPS about the provision and processing of Information data before providing Information to VPS. Customer agrees to exempt VPS, the Parties to whom the information is provided from all related responsibilities for providing and processing Information data by VPS and/or the Parties to whom the information is provided according to the provisions hereof.

- 13.5 Khách hàng hiểu rằng trong quá trình xử lý thông tin về khách hàng sẽ luôn gắn với rủi ro và Khách hàng tự nguyện chấp nhận các rủi ro đó. Một số rủi ro có thể xảy ra như đã đề cập tại Điều C10 tại Bộ T&C này. Hậu quả của rủi ro này có thể là thông tin khách hàng bị lộ, bị đánh cắp, bị xóa hoặc bị chỉnh sửa.

Customer understands that the processing of information about Customer will always involve risks and Customer voluntarily accepts those risks. Some risks as mentioned in Article C10 in these T&Cs may occur. The consequences of these risks can be that information about Customer is disclosed, stolen, deleted or edited.

ĐIỀU A14. NGÔN NGỮ VÀ LUẬT ĐIỀU CHỈNH

ARTICLE A14. LANGUAGE AND GOVERNING LAW

- 14.1 Hợp đồng mở TKCK được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

The Securities Account Opening Contract is governed and interpreted in accordance with Vietnamese law.

- 14.2 Bộ Điều khoản và Điều kiện này và (các) hợp đồng/thỏa thuận có liên quan (bao gồm nhưng không giới hạn: Hợp đồng mở TKCK; Giấy đề nghị thay đổi thông tin và đăng ký mở tài khoản bổ sung (nếu có); Giấy đăng ký/thay đổi dịch vụ giao dịch điện tử (nếu có)) được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác biệt về ý nghĩa giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

These T&Cs and the relevant contract(s)/agreement(s) (including but not limited to: Securities Account Opening Contract; Application on change of information and supplemental account opening (if any); Application on registration/change of electronic trading service (if any)) are made in Vietnamese and English. In case of any discrepancies or inconsistencies between the English and Vietnamese versions, the Vietnamese version shall prevail.

ĐIỀU A15. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE A15. DISPUTE RESOLUTION

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng mở TKCK sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày từ ngày bắt đầu thương lượng, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

Any disputes arising in connection with or out of the Securities Account Opening Contract will be resolved firstly through negotiation. If the dispute cannot be resolved through negotiation within 30 (thirty) days of occurrence, either party may refer the dispute to a competent court of Vietnam.

PHẦN B: QUY ĐỊNH VỀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN/ Part B: Regulations on advance from securities sale proceeds;

ĐIỀU B1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

ARTICLE B1. DEFINITIONS

Trong Phần B này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

In this Part B, the following terms have the following meanings:

- 1.1 “**Lệnh bán**” là lệnh do Khách hàng lập và gửi cho VPS để bán chứng khoán.

“Sell order” is an order made by Customer and sent to VPS to sell securities.

- 1.2 “**Khớp lệnh**” là việc Lệnh Bán được đưa vào hệ thống giao dịch của SGDCK và đã được khớp thành công.

“Order matching” means that the Sell order is entered into the trading system of the Stock Exchange and has

been successfully matched.

- 1.3 “**Tiền bán chứng khoán**” là số tiền Khách hàng sẽ được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh Bán có liên quan và đã được VPS xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.

“Securities sale proceeds” means proceeds received by Customer from the sale of securities according to the relevant Sell Order, which has been confirmed by VPS as a successful Order matching transaction.

- 1.4 “**Phí ứng trước**” là khoản phí Khách hàng phải trả cho VPS do sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo biểu phí do VPS quy định trong từng thời kỳ.

“Advance service fee” means any fee paid by Customer to VPS for using the service of advance payments for securities sales according to the fee schedule prescribed by VPS from time to time.

- 1.5 “**Số tiền ứng trước**” là số tiền được VPS tính toán và chuyển vào TKCK trên cơ sở yêu cầu ứng trước của Khách hàng và/hoặc yêu cầu thực hiện giao dịch trên TKCK.

“Advanced amount” means the amount calculated and transferred to the Securities Account by VPS based on Customer’s request for advance and/or request for any transactions on the Securities Account.

ĐIỀU B2. PHẠM VI ÁP DỤNG

ARTICLE B2. SCOPE OF APPLICATION

Phần B này áp dụng cho việc ứng trước tiền bán chứng khoán trên toàn bộ TKCK (kể cả tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường và tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ).

This Part B applies to advance from securities sale proceeds across all the Securities Account (including regular securities trading accounts and margin securities trading accounts).

ĐIỀU B3. ĐIỀU KIỆN VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN

ARTICLE B3. CONDITIONS AND METHODS OF APPLICATION

- 3.1 Khi đăng ký mở TKCK, Khách hàng mặc định đồng ý sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của VPS. Trên cơ sở yêu cầu của Khách hàng (đã được lập phù hợp), VPS có quyền nhưng không có nghĩa vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách hàng.

Upon registering to open a Securities Account, Customer automatically agrees to use VPS’s service of advance of securities sale proceeds. Based on Customer’s request (properly made), VPS has the right but not the obligation to make advance payment for securities sales to Customer.

- 3.2 VPS có thể tự động ứng trước tiền bán chứng khoán trên TKCK (mà không yêu cầu Khách hàng xác nhận từng lần) khi:

VPS may automatically make advance from securities sale proceeds on the Securities Account (without confirmation from Customer for each time) if:

- (a) Khách hàng có nghĩa vụ tài chính đến hạn với VPS (kể cả nghĩa vụ với bên thứ ba mà VPS có thỏa thuận hoặc trách nhiệm thu hộ), kể cả (nhưng không giới hạn) nghĩa vụ phải thanh toán trên/ theo TKCK; và/hoặc

Customer has financial obligations due to VPS (including obligations to any third party with which VPS has an agreement or collection responsibility on behalf of that third party), including (but not limited to) the obligation to pay on/ according to the Securities Account; and/or

- (b) Khách hàng yêu cầu thực hiện giao dịch trên TKCK mà không có đủ tiền để thanh toán (bao gồm nhưng không giới hạn như chuyển tiền ra khỏi TKCK hoặc thanh toán cho lệnh mua chứng khoán).

Customer requests to perform a transaction on the Securities Account in which money is not sufficient to pay (including but not limited to transferring money out of the Securities Account or paying for a securities buy order).

- (c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Other cases as prescribed by relevant laws.

- 3.3 Nếu không có yêu cầu cụ thể của Khách hàng và được VPS chấp nhận, Khách hàng mặc nhiên đồng ý và xác nhận với việc lựa chọn, tính toán số tiền ứng trước và các khoản phí ứng trước của VPS.

If there is no specific request from Customer, which is accepted by VPS, Customer automatically agrees and confirms with the selection, calculation of advanced amount and advance fees by VPS.

- 3.4 Trong mọi trường hợp, số tiền ứng trước sẽ không vượt quá Tiền bán chứng khoán trừ phí giao dịch, Phí ứng trước, thuế và phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).

In all cases, the advanced amount will not exceed the Securities sale proceeds minus transaction fees, Advance service fees, taxes and other fees as prescribed by law (if any).

- 3.5 Bằng việc gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán và/hoặc gửi yêu cầu thực hiện giao dịch trên TKCK và phụ thuộc vào việc được VPS ứng trước theo yêu cầu đó, Khách hàng chuyển giao vô điều kiện cho VPS quyền nhận Tiền bán chứng khoán có liên quan. VPS được nhận Tiền bán chứng khoán để bù trừ nghĩa vụ Khách hàng hoàn trả cho VPS toàn bộ Số tiền ứng trước, Phí ứng trước và thuế, phí liên quan mà Khách hàng phải thanh toán.

By sending a request to advance from selling securities and/or sending a request to perform a transaction on the Securities Account and subject to the consent from VPS to that request, Customer unconditionally transfers to VPS the right to receive the relevant Securities sale proceeds. VPS receives the Securities sale proceeds to offset the entire Advanced amount, Advance service fee and related taxes and fees due to be paid by Customer.

ĐIỀU B4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

ARTICLE B4. CUSTOMER RIGHTS AND OBLIGATIONS

- 4.1 Khách hàng có quyền gửi yêu cầu ứng trước Tiền bán chứng khoán khi đáp ứng điều kiện như đã nêu tại Điều B3.

Customer may request for advance of Securities sale proceeds upon meeting the conditions as stated in Article B3.

- 4.2 Thực hiện đầy đủ các nội dung nghĩa vụ tại Phần B Bộ T&C này.

Fully implement the obligations as mentioned in Part B of these T&Cs.

- 4.3 Khách hàng đồng ý nhận nợ vô điều kiện Số tiền ứng trước, Phí ứng trước (và thuế, phí liên quan) và để VPS được tự động khấu trừ tiền từ TKCK để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước. Khách hàng cam kết không đưa ra khiếu nại, khiếu kiện về việc VPS khấu trừ tiền từ TKCK như vậy.

Customer agrees to unconditionally acknowledge the debt of the Advanced amount, Advance service fee (and related taxes and fees) and consents to VPS automatically deducting money from the Securities Account to fully repay the Advanced amount and Advance service fees. Customer commits not to make any claims or lawsuits about VPS deducting money from the Securities Account in such way.

- 4.4 Nếu kết quả khớp lệnh, giao dịch bị hủy thanh toán hay phải sửa lỗi giao dịch theo thông báo của VSDC và/hoặc VPS vì bất kỳ lý do nào thì Khách hàng phải hoàn trả lại cho VPS toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của VPS, trừ trường hợp VPS có quyết định khác.

If the order matching, the transaction is canceled or the transaction error must be corrected according to the notice from VSDC for any reason, Customer must repay the entire Advanced amount along with fees and charges incurred up to the time of repayment to VPS according to VPS regulations, unless VPS decides otherwise.

ĐIỀU B5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPS

ARTICLE B5. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF VPS

- 5.1 Được hưởng Phí ứng trước theo quy định của VPS trong từng thời kỳ.

Receive Advance service fees according to VPS regulations from time to time.

- 5.2 VPS được tự động khấu trừ TKCK để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc ứng trước Tiền bán chứng khoán mà không cần có lệnh hay chấp thuận của Khách hàng.

VPS is automatically deducted from the Securities Account to fulfill Customer's obligations related to the advance of Securities sale proceeds without Customer's order or approval.

- 5.3 VPS được đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu VPS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho VPS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của VPS.

VPS may unilaterally stop providing services to Customers if VPS considers that providing services may cause risks or losses to VPS or providing services is not consistent with the policies and operating conditions of VPS.

ĐIỀU B6. QUY ĐỊNH KHÁC

ARTICLE B6. OTHER REGULATIONS

Tùy từng thời kỳ, dịch vụ ứng trước Tiền bán chứng khoán có thể thực hiện qua nguồn của VPS hoặc bên thứ ba. Khách hàng đồng ý rằng nếu việc ứng trước thực hiện qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ Phần B này, Khách hàng cũng sẽ tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước Tiền bán chứng khoán.

The service of advance of Securities sales proceeds can be performed through funds of VPS or third parties from time to time. Customer agrees that if any advance is made from the fund of a third party, in addition to complying with this Part B, Customer will also comply with that third party's regulations on advances of Securities sale proceeds.

PHẦN C: THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ/ PART C: ELECTRONIC TRADING AGREEMENT

ĐIỀU C1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

ARTICLE C1. DEFINITIONS

Trong Phần C này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

In this Part C, the following terms have the following meanings:

- 1.1 **“Chấp thuận điện tử”**: Là chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc hình thức khác tương đương do Khách hàng lập và gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, từ Số điện thoại hoặc từ Thư điện tử. Chấp thuận điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm).

“Electronic consent”: means an acceptance, approval, permission, consent or other equivalent made by Customer and sent via the Electronic Trading System, from Phone Number or Email. Electronic consent can be expressed verbally via phone call by Customer to the Telephone Transaction Center (with recording).

- 1.2 **“Chữ ký số”**: Là chữ ký số (hay còn gọi là chữ ký điện tử) theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

“Digital signature”: means a digital signature (also known as an electronic signature) according to the provisions of law on electronic transactions.

- 1.3 **“Hệ thống giao dịch điện tử”**: Là tập hợp các Ứng dụng thiết bị điện tử, Webtrade, Tổng đài giao dịch qua điện thoại và hệ thống khác được VPS sử dụng để cho phép Khách hàng truy cập vào TKCK và thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet hoặc qua điện thoại.

“Electronic trading system”: means a collection of Electronic device applications, Webtrade, Telephone transaction center, and other systems used by VPS to allow Customer to access the Securities Account and perform operations/transactions on the system via the Internet or by phone.

- 1.4 **“Mật khẩu”**: Là tên truy cập (user), tên định danh (identification), mật khẩu dùng nhiều lần, mật khẩu dùng một lần (one-time password - OTP), khóa token (token key), mã xác thực (authentication code), mã PIN (personal identification number), đặc điểm sinh trắc học (vân tay, mống mắt hay khuôn mặt) và phương thức/thông điệp xác thực khác cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng liên quan đến TKCK.

“Password”: means the user name, identification name, multiple-use password, one-time password (OTP), token key, authentication code, PIN (personal identification number), biometric characteristics (fingerprint, iris or face) and other authentication methods/messages issued to Customer or created, selected or registered by Customer in relation to the Securities Account.

- 1.5 **“Webtrade”**: Là phần của trang thông tin điện tử của VPS mà Khách hàng có thể truy cập vào TKCK để thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống.

“Webtrade”: means the part of VPS's electronic information page where Customers can access the Securities Account to perform some or all operations/transactions on the system.

- 1.6 **“Hợp đồng điện tử”**: Là hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc tương đương được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyển giao thông qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại).

“Electronic contract”: means a contract, an agreement, commitment, memorandum of understanding, contract

appendix or equivalent expressed in electronic format, and signed and delivered via Electronic trading system (except Telephone Transaction Center).

- 1.7 **“Lệnh điện tử”**: Là lệnh do Khách hàng lập gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm). Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống giao dịch điện tử (ví dụ lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKCK).

“Electronic order”: means an order made by Customer and sent via the Electronic trading system. Electronic order can be expressed verbally and made by Customer by a phone call to the Telephone transaction center (with recording). An electronic order can be expressed through an operation or a series of operations on the Electronic trading system (for example, a money transfer order can be established via a money transfer operation on the Securities Account).

- 1.8 **“Thao tác/giao dịch trên hệ thống”** gồm:

“Operations/transactions on the system” include:

- (a) Truy cập, xem và kiểm tra thông tin và các thao tác khác trên TKCK;
Access, view and check information and other operations on the Securities Account;
- (b) Gửi, nhận, xem và đọc Thông điệp dữ liệu;
Send, receive, view and read Data messages;
- (c) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Lệnh điện tử;
Make and/or send/confirm the Electronic orders;
- (d) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Chấp thuận điện tử;
Make and/or send/confirm the Electronic consent;
- (e) Xem, từ chối hay ký kết Hợp đồng điện tử; và
View, refuse or sign the Electronic contract; and
- (f) Các thao tác khác có trên Hệ thống giao dịch điện tử.
Other operations available on the Electronic trading system.

- 1.9 **“Thông điệp dữ liệu”**: Là thông tin liên lạc, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, bản cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử) được tạo ra, được nhận, gửi đi và lưu trữ trên Hệ thống giao dịch điện tử, qua điện thoại hoặc tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử.

“Data messages” means correspondences, notices, portfolio reports, investment reports, analytical reports, reports of other types, account statements, transaction statements, information disclosure statements, prospectuses, declarations and messages of other types in electronic format, which are created, received, sent and stored by/on the Electronic trading system, by phone or text message (SMS) to Phone number and/or via E-mail.

- 1.10 **“Tổng đài giao dịch qua điện thoại”**: Là hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi và có dự phòng của VPS.

“Telephone transaction center” means a telephone transaction center system with functions of recording, managing, looking up calls and having VPS backup.

- 1.11 **“Ứng dụng thiết bị điện tử”**: Là ứng dụng (application), phần mềm (software) do VPS hoặc đối tác của VPS sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của VPS, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính (computer) hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKCK và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet.

“Electronic device application” means an application, software owned by VPS or VPS's partners or licensed to use and published on VPS's website, Google Play Store, App Store or other application/software stores for Customer to download and install on his phone, computer or other electronic devices to access the Securities Account and perform some or all operations/transactions on the system through the Internet.

ĐIỀU C2. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

ARTICLE C2. SCOPE OF GOVERNANCE

Phần C này điều chỉnh việc Khách hàng sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để (i) nhận, đọc và gửi Thông điệp dữ liệu; (ii) đưa ra và gửi Lệnh điện tử; (iii) đưa ra và gửi Chấp thuận điện tử; (iv) ký kết và chuyển giao Hợp đồng điện tử và (v) thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống khác. Phần C này cũng điều chỉnh việc sử dụng Số điện thoại và Thư điện tử cho một số mục đích nhất định.

This Part C governs Customer's use of the Electronic transaction system to (i) receive, read and send Data messages; (ii) issue and send an Electronic order; (iii) give and send electronic Consent; (iv) sign and deliver Electronic contracts and (v) perform operations/transactions on other systems. This Part C also governs the use of Phone number and Email for certain purposes.

ĐIỀU C3. QUAN HỆ VỚI THỎA THUẬN KHÁC

ARTICLE C3. RELATION TO OTHER AGREEMENTS

Phần C này bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa VPS và Khách hàng trong phạm vi liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này. Nếu có sự không thống nhất giữa Phần C này và bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này thì Phần C này sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Part C supplements other contracts and agreements between VPS and Customer to the extent of scope of governance of this Part C. If there is any inconsistency between this Part C and any contract or agreement related to the scope of governance of this Part C, this Part C shall prevail.

ĐIỀU C4. HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

ARTICLE C4. ELECTRONIC TRADING SYSTEM

- 4.1 Ứng dụng thiết bị điện tử, Hệ Thống Website, Tổng đài giao dịch qua điện thoại hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử sẽ là ứng dụng, phần mềm hay hệ thống được VPS công bố công khai trên trang thông tin điện tử của mình hoặc theo cách khác trong từng thời kỳ hoặc được ghi trên Hợp đồng mở TKCK.

Electronic device applications, Website system, Telephone transaction center or other systems under the Electronic Trading System will be applications, software or systems publicly announced by VPS on its electronic information page or in other methods from time to time or recorded on the Securities Account Opening Contract.

- 4.2 Khi tải và cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử, Website hay sử dụng hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử và thực hiện việc truy cập vào TKCK, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc sử dụng ứng dụng, phần mềm hay hệ thống đó như là một phần của Hệ thống giao dịch điện tử cho các mục đích được quy định trong Phần C này.

When downloading and installing electronic device applications, websites or using other systems of the Electronic trading system and accessing the securities account, Customer automatically accepts the use of the application, software and system as part of an Electronic transaction system for the purposes set forth in this Part C.

- 4.3 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong phần khác của Hợp đồng mở TKCK, bằng Phần C này, Khách hàng đồng ý sử dụng Tổng đài giao dịch qua điện thoại để đặt/gửi một số Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử và thực hiện một số Thao tác/giao dịch trên hệ thống giới hạn khác liên quan đến TKCK. Trừ trường hợp được VPS đồng ý khác đi, mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng qua Tổng đài giao dịch qua điện thoại phải được thực hiện từ Số điện thoại.

Unless the parties have otherwise agreed in another part of the Securities Account Opening Contract, Customer hereby agrees to use the Telephone transaction center to place/send a number of Electronic orders and Electronic consent and perform a number of operations/transactions on other limited systems related to the Securities Account. Unless otherwise agreed by VPS, all operations/transactions on the system by Customer via the Telephone transaction center must be performed from the Phone number.

- 4.4 Khi Khách hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử, Khách hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, nếu Khách hàng lựa chọn phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”) ngay bên dưới một Hợp đồng điện tử thì Khách hàng được coi là đã ký kết Hợp đồng điện tử đó. Khách hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách hàng thực hiện trên Hệ thống giao dịch điện tử, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại.

When Customer selects any function key/button on the Electronic trading system, Customer is considered to

have expressed his will according to the content displayed on that key/button and accepted to be bound by that selection. For example, if the Customer selects the “Agree”, “Sign” or “Confirm” button right below an electronic Contract, Customer is considered to have signed that Electronic Contract. Customer is also bound by any other operations that Customer performs on the Electronic Trading System, including placing/sending Electronic Orders by making a phone call to the Telephone Transaction Center.

ĐIỀU C5. NHẬN VÀ GỬI THÔNG TIN

ARTICLE C5. RECEIVING AND SENDING INFORMATION

5.1 Nhận Thông Tin

Receiving information

- (a) Mọi Thông điệp dữ liệu từ VPS hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua VPS sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách hàng nếu được gửi theo một trong các phương thức sau:

Any Data Message from VPS or from other organizations/individuals through VPS will be considered validly sent to Customer if sent by one of the following methods:

- (i) Gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử đến địa chỉ là tên truy cập TKCK (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là thời điểm ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử); hoặc

Sent via the Electronic Trading System to the address that is the username of the securities account (in this case, the time Customer receives the Data Message is the time recorded in the Electronic Trading System); or

- (ii) Gửi đến Thư điện tử (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là khi thư có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ Thư điện tử và thư gửi đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hòm thư của người gửi và trong vòng 24h kể từ thời điểm thư đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư đó không được gửi thành công).

Sent to Email (in this case, the time Customer receives the Data Message is when the relevant message is sent to the correct Email address and the sent message has been saved in the “Sent” folder in the sender’s mailbox and within 24 hours from the time the message is saved, the sender does not receive any automatic notification that the message was not sent successfully.

- (b) Mật khẩu mà VPS cấp cho Khách hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách hàng theo một trong các phương thức trên.

The password issued by VPS to Customer to perform operations/transactions on the system can also be sent to Customer by one of the above methods.

- (c) VPS cũng có thể gửi thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện đến Số điện thoại và có ghi âm. Thời điểm Khách hàng nhận được thông báo là khi cuộc gọi kết thúc. Nếu thông báo đã được truyền tải bằng cách gọi điện phải được lập bằng văn bản (theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật) thì sau khi gọi điện, VPS phải gửi Thông điệp dữ liệu chứa thông báo đó theo một trong các phương thức trên đây để Khách hàng lưu giữ.

VPS may also send notices to Customer by calling the Phone Number and recording the conversation. The time the Customer receives the notification is recognized upon ending the call. If the notice already conveyed by calling must be in writing (according to agreement or as required by law), then after calling, VPS must send a Data Message containing that notice according to one of the above methods for Customer to store.

5.2 Xem Và Đọc Thông Tin

Viewing and Reading Information

Khách hàng có thể xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử thay cho việc VPS cung cấp tài liệu in trực tiếp để Khách hàng xem và đọc. Việc Khách hàng xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử như vậy có giá trị pháp lý như việc VPS cung cấp tài liệu in trực tiếp cho Khách hàng (trừ khi có sai sót trong nội dung hiển thị do lỗi kỹ thuật).

Customer may view and read Data Messages display on the Electronic Trading System instead of printed documents provided in-hand by VPS to Customer. Viewing and reading the Data Messages display on an Electronic Trading System by Customer has the same legal value as these displayed on printed documents

provided in-hand by VPS in hand to Customer (unless there are errors in the displayed content due to technical error).

5.3 Gửi Thông Tin

Sending Information

Khách hàng có thể gửi Thông điệp dữ liệu cho VPS hay cho tổ chức/cá nhân khác thông qua VPS qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại). Thời điểm Khách hàng gửi đi là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.

Customer may send Data messages to VPS or to other organizations/individuals through VPS via the Electronic Trading System (except for Telephone Transaction Center). The time the Customer sends is the time recorded in the Electronic Trading System.

5.4 Giá Trị Của Thông Tin

Information Value

- (a) Thông tin trong Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu;

Information in a Data Message may not be denied legal validity simply because that information is expressed in the form of a data message;

- (b) Trường hợp pháp luật hay hợp đồng/thỏa thuận của các bên yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì Thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này;

Where the law or contract/agreement of the parties requires information to be expressed in writing, the Data Message is considered to meet this requirement;

- (c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc; và

The data message has the same value as the original; and

- (d) Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ và giá trị này không thể bị phủ nhận chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

The data message has evidentiary value that cannot be denied simply because it is a data message.

ĐIỀU C6. GIAO KẾT, CHUYỂN GIAO VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

ARTICLE C6. ENTERING INTO, DELIVERING AND IMPLEMENTING THE ELECTRONIC CONTRACTS

- 6.1 Hợp đồng điện tử có thể được ký kết trên Hệ thống giao dịch điện tử theo các thao tác ghi trên đó. Việc ký kết Hợp đồng điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử phải được xác thực theo quy định tại Điều C8.

An electronic contract can be signed via Electronic Trading System based on the operations instructed there. The signing of the electronic Contract via the Electronic Trading System must be authenticated according to the provisions of Article C8.

- 6.2 Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số của một bên và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều C5.

An Electronic contract can be signed with a party's Digital Signature and an Electronic Contract signed with a Digital Signature is considered validly delivered if sent by one of the methods specified in Article C5.

- 6.3 Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:

The signing of an electronic contract can be in one of the following methods:

- (a) Ký kết toàn văn: Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử;

Signing the full text: The full text of the Electronic Contract is displayed on the Electronic Trading System and each party signs by selecting a key/function button on the Electronic Trading System;

- (b) Ký chấp nhận: Một bên gửi đề nghị giao kết hợp đồng và bên kia ký chấp nhận giao kết hợp đồng cũng bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc

Signing for acceptance: One party sends a proposal to enter into a contract and the other party agrees to enter into a contract by selecting a function key/button on the Electronic Trading System or by not giving any objections to the request within the time limit stated in the request, or

- (c) Hình thức khác được các bên thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống giao dịch điện tử.

Other methods agreed upon by the parties or available on the Electronic Trading System.

- 6.4 Thời điểm một bên ký kết Hợp đồng điện tử sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc hệ thống khác của VPS.

The time a party signs an Electronic Contract will be recorded on the Electronic Trading System or other systems of VPS.

- 6.5 Hợp đồng điện tử được ký kết theo Điều C6 này có giá trị pháp lý đầy đủ và ràng buộc các bên ký kết như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

An Electronic contract signed under this Article C6 has full legal value and is binding on the signing parties like a contract or agreement signed by the traditional in-person method. The legal value of an electronic contract cannot be denied simply because the contract is expressed in the form of a data message.

ĐIỀU C7. ĐẶT LỆNH VÀ GỬI CHẤP THUẬN ĐIỆN TỬ

ARTICLE C7. PLACING AN ORDER AND SENDING ELECTRONIC CONSENT

- 7.1 Khách hàng có thể đặt Lệnh điện tử và gửi Chấp thuận điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử. Thời điểm Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.
- Customer can place an Electronic Order and send Electronic Consent via the Electronic Trading System. The time Customer places an Electronic Order or sends Electronic Consent is recorded in the Electronic Trading System.*

- 7.2 Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử bằng cách gọi từ Số điện thoại đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại. Mọi cuộc gọi của Khách hàng đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại sẽ được ghi âm lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Nếu có yêu cầu của VPS hay pháp luật, sau khi gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại, Khách hàng phải gửi lệnh, văn bản chấp thuận được ký bằng tay hoặc Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt/gửi theo phương thức khác chứa đựng Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử được đặt hay đưa ra trong cuộc gọi.

Customer can place/send an Electronic Order or send Electronic Consent by calling from Phone number to Telephone Transaction Center. All calls from Customer to the Telephone Transaction Center will be fully recorded and stored, ensuring information security and data confidentiality. If requested by VPS or the law, after calling the Telephone Transaction Center, Customer must send the order, the consent document signed by hand or the Electronic Order, Electronic Consent placed/sent by other means, which contain the Electronic Order, Electronic Consent placed or given during a call.

- 7.3 Nếu Khách hàng đăng ký và được VPS chấp thuận (hoặc các bên có thỏa thuận), Khách hàng có thể đặt/gửi Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử từ Thư điện tử.

If Customer registers and gets approval from VPS (or the parties have an agreement), Customer may place/send an Electronic Order or send an Electronic Consent from Email.

- 7.4 VPS chỉ phải thực hiện Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được gửi hợp lệ từ Khách hàng sau khi thực hiện giải pháp xác thực quy định tại Điều C8 dưới đây.

VPS must only execute an Electronic Order or Electronic Consent validly sent from Customer after implementing the authentication solution specified in Article C8 hereunder.

- 7.5 Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và VPS.

Electronic Order or Electronic Consent is only valid if it contains all necessary information as required by law and VPS.

- 7.6 Khách hàng đồng ý rằng việc gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với VPS hay đối tác có liên quan.

Customer agree that sending an Electronic Order or Electronic Consent may constitute entering into an Electronic

Contract with VPS or the relevant partner.

- 7.7 Khách hàng đồng ý rõ ràng rằng khi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho VPS phù hợp với Điều C7 này:

Customer expressly agrees that when an Electronic Order or Electronic Consent is placed, sent and transmitted to VPS in accordance with this Clause C7:

- (a) Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách hàng;

Such Electronic Order or Electronic Consent is legally valid and fully binding on Customer;

- (b) VPS được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách hàng ủy quyền cho VPS toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu lệnh hoặc các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKCK của Khách hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên; VPS sẽ hoàn thành việc lập, ký thay các hồ sơ, chứng từ có liên quan nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày giao dịch từ ngày Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử);

VPS is entitled to act pursuant to such Electronic Order or Electronic Consent (Customer authorizes VPS to carry out all necessary transactions, make and sign contracts, agreements, orders or Invoices, documents and other related documents related to Customer's Securities Account to act upon the Electronic Order or Electronic Consent mentioned above; VPS will complete the preparation and signing the related documents and papers mentioned above on behalf of Customer within 03 (three) trading days from the date Customer places an Electronic Order or sends Electronic Consent);

- (c) Nếu VPS nhận được bất kỳ phiếu lệnh hay văn bản nào từ Khách hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì VPS vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi VPS và Khách hàng đã thống nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và

If VPS receives any order or document from Customer by another method (for example, submitted in person), which has content different from that of the Electronic Order or Electronic Consent previously sent, VPS is entitled to still act upon the Electronic Order or Electronic Consent unless VPS and Customer have agreed to cancel such Electronic Order or Electronic Consent; and

- (d) VPS không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà VPS thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán mà VPS tiến hành dựa trên Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó).

VPS is not responsible to Customer for any action or inaction that VPS takes pursuant to such Electronic Order or Electronic Consent (including actions of transferring money or selling securities that VPS executes based on such Electronic Order or Electronic Consent).

ĐIỀU C8. QUY ĐỊNH VỀ XÁC THỰC

ARTICLE C8. REGULATIONS ON AUTHENTICATION

- 8.1 Đối với việc giao kết Hợp đồng điện tử hay chấp nhận Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử, VPS sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên.

For concluding an electronic contract or accepting electronic orders/electronic consent, VPS will apply an authentication solution with minimum security equivalent to a two-factor authentication solution or more.

- 8.2 Khách hàng phải lựa chọn giải pháp xác thực do VPS cung cấp khi mở TKCK có liên quan và đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến/điện tử và được đăng ký lại giải pháp xác thực khi có nhu cầu. Nếu Khách hàng không đăng ký thì VPS được ấn định giải pháp xác thực áp dụng cho Khách hàng.

Customer must select the authentication solution provided by VPS when opening relevant securities account and register to use online/electronic securities trading services and may re-register for the authentication solution if needed. If Customer does not register for any solution, VPS is entitled to assign an authentication solution applicable to Customer.

- 8.3 Hợp đồng điện tử chỉ được coi là giao kết bởi Khách hàng một khi được Khách hàng ký kết phù hợp với Điều C6 và tất cả thông tin do Khách hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống giao dịch điện tử hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử và gửi

cho Khách hàng như mật khẩu sử dụng một lần (OTP) hay mã xác nhận (authentication code)). Quy định này cũng áp dụng tương tự cho việc gửi và thực hiện Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử.

An Electronic contract is only deemed to be entered into by Customer once it has been signed by Customer in accordance with Clause C6 and all information provided by the Customer in accordance with the above authentication solution has been matched with the information provided by the Customer and saved in the Electronic Trading System or information created by the Electronic Trading System (applicable to authentication information created by the Electronic Trading System and sent to Customer, such as a one-time password (OTP) or confirmation code. The same applies to the sending and execution of Electronic Order or Electronic Consent.

- 8.4 Trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu rõ ràng, việc xác thực không áp dụng đối với Thông điệp dữ liệu.

Except where expressly required by law, authentication does not apply to Data Messages.

ĐIỀU C9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

ARTICLE C9. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE PARTIES

9.1 Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPS

Rights and Obligations of VPS

- (a) VPS có trách nhiệm xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử đáp ứng được yêu cầu của pháp luật để thực hiện giao dịch điện tử, giao dịch chứng khoán trực tuyến.

VPS is responsible for building an Electronic trading system that meets legal requirements to conduct electronic transactions and online securities transactions.

- (b) VPS phải lưu trữ thông tin, dữ liệu, văn bản, tài liệu liên quan đến Khách hàng (kể cả Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử và Hợp đồng điện tử) theo đúng yêu cầu của pháp luật.

VPS is obligated to store information, data, papers and documents related to Customer (including Data Messages, Electronic Orders, Electronic Consent and Electronic Contracts) in accordance with the requirements of the laws.

- (c) VPS có toàn quyền bổ sung, xóa bớt tính năng, điều chỉnh giao diện, thay đổi cấu trúc hoặc thực hiện bất kỳ điều chỉnh/thay đổi nào khác đối với Hệ thống giao dịch điện tử mà không cần thông báo cho Khách hàng (trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông báo) (trong trường hợp này, bằng việc tiếp tục sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử đã được điều chỉnh/thay đổi như vậy, Khách hàng được coi là chấp nhận toàn bộ thay đổi/điều chỉnh đó).

VPS has the full right to add, delete features, adjust the interface, change the structure or make any other adjustments/changes to the Electronic Trading System without notice to Customer (except for as required by law) (in this case, by continuing to use the Electronic Trading System that has been so adjusted/changed, Customer is deemed to accept that change/modification fully).

- (d) VPS được thu phí cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử theo mức phí công khai trên trang thông tin điện tử của mình.

VPS is entitled to charge a fee for providing electronic trading services through the Electronic Trading System according to the fee schedule published on its website.

- (e) VPS không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử mà:

VPS is not responsible to the Customer for any loss, damage, cost, expense or liability that Customer incurs in connection with the Electronic Transaction System, which:

- (i) Phát sinh do xảy ra sự kiện bất khả kháng;

arises due to a force majeure event;

- (ii) Phát sinh do Khách hàng làm lộ Mật Khẩu hoặc thông tin truy cập TKCK; hoặc

arises due to Customer revealing the Password or securities account access information; or

- (iii) Phát sinh không do lỗi của VPS đối với Phần C này hoặc pháp luật có liên quan.

arises without fault of VPS under this Part C or relevant laws.

- (f) VPS cũng được miễn trách nhiệm đối với Khách hàng đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử do Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng bị sai sót, bị gián đoạn, bị cản trở hoặc bị chậm trễ do:
- VPS is also exempted from liability to Customer for any loss, damage, cost, expense or liability that Customer incurs in connection with the Electronic Trading System since Operations/transactions on the system by Customer is erroneous, interrupted, hindered or delayed due to:*
- (i) Hệ thống xử lý, hệ thống đường truyền của VPS gặp trục trặc hay sự cố kỹ thuật;
The VPS processing system or transmission system has problems or technical problems;
 - (ii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa Khách hàng và VPS bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
The system of communication, placing orders, instructions and executing orders and instructions between Customer and VPS is faulty, interrupted or temporarily suspended;
 - (iii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa VPS và bất kỳ bên thứ ba nào (kể cả SGDC hay VSDC) bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;
The system of communication, placing orders, instructions and executing orders and instructions between VPS and any third party (including the Stock Exchange or VSDC) is faulty, interrupted or temporarily suspended;
 - (iv) VPS phải thực hiện thêm việc xác thực/kiểm tra khi có bằng chứng hoặc lý do khác để nghi ngờ Thao tác/giao dịch trên hệ thống đó không do chính Khách hàng thực hiện;
VPS must perform additional authentication/checking when there is any evidence or other reason to suspect that operations/transactions on that system are not performed by Customer;
 - (v) Việc xác thực không thành công; hoặc
Authentication is failed; or
 - (vi) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
As requested by a competent state agency.
- (g) VPS có quyền gửi tin nhắn hoặc gọi điện đến Số điện thoại hoặc gửi thư đến Thư điện tử.
VPS may send messages or call to Phone Number or send mail to Email address.
- (h) VPS không đưa ra bất kỳ cam đoan hay cam kết nào về (i) sự chính xác, đầy đủ hay kịp thời của Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) khả năng không bị gián đoạn hay mắc lỗi của Hệ thống giao dịch điện tử.
VPS does not make any guarantees or warranties regarding (i) the accuracy, completeness or timeliness of the Electronic Trading System or (ii) ability of the Electronic trading system to be free of interruptions or errors.
- (i) Không phụ thuộc vào yêu cầu cụ thể của Khách hàng, theo quyết định của mình, khi nhận được thông báo của Khách hàng phát hiện Thao tác/ giao dịch trên hệ thống giao dịch điện tử không phải do chính Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền hợp lệ) thực hiện và/hoặc phát hiện TKCK bị chiếm quyền truy cập và/hoặc các sự kiện khác, VPS có quyền, mà không phải nghĩa vụ, phong tỏa và/hoặc tạm khóa và/hoặc tạm dừng hoạt động TKCK và/hoặc các biện pháp khác mà VPS có thể áp dụng trong khả năng hợp lý của VPS nhằm bảo vệ TKCK của Khách hàng cho tới khi Khách hàng hoàn thành các thủ tục theo quy định nội bộ của VPS nhằm khôi phục hoạt động và tiếp tục sử dụng các dịch vụ trên TKCK của Khách hàng.
Regardless of Customer's specific request, upon receipt of Customer's notice on detecting that the operation/transaction on the electronic trading system is not implemented by the Customer (or a person duly authorized by Customer) and/or that the Account has been hijacked and/or other events, VPS is entitled, at its sole discretion but not obligated, to block and/or temporarily lock and/or or temporarily suspend Securities Account operations and/or other measures that VPS may apply within its reasonable ability to protect Customer's Securities Account until Customer completes the procedures according to VPS internal regulations to restore operations and continue using services on the Customer's Securities Account.

- (j) VPS có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với Khách hàng và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

VPS has other rights and obligations specified in this Part C, other contracts/agreements signed with Customer and according to the provisions of Vietnamese laws.

9.2 Quyền Và Nghĩa Vụ Của Khách hàng

Customer's Rights and Obligations

- (a) Khách hàng được cấp quyền sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử sau khi đã cài đặt và chấp thuận các điều khoản và điều kiện áp dụng cho ứng dụng, phần mềm hay hệ thống tương ứng (quyền sử dụng của Khách hàng là không độc quyền, không được chuyển giao và có thể bị rút lại theo toàn quyền quyết định của VPS).

Customer is granted the right to use the Electronic Trading System after installing and accepting the terms and conditions applicable to the corresponding application, software or system (Customer's right to use is non-exclusive, non-transferable and may be withdrawn at VPS's sole discretion).

- (b) Khách hàng có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm soát và sử dụng TKCK và bảo đảm sự chính xác của Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử.

Customer is responsible for managing, monitoring, controlling and using the Securities Account and ensuring the accuracy of Data Messages, Electronic Orders and Electronic Consent sent through the Electronic Trading System

- (c) Khách hàng không được sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để thực hiện giao dịch trái pháp luật.

Customer is not allowed to use the Electronic Trading System to conduct illegal transactions.

- (d) Khách hàng phải sử dụng thiết bị điện tử có hệ điều hành tương thích để cài đặt và sử dụng Ứng dụng thiết bị điện tử; Khách hàng có trách nhiệm cài đặt các phần mềm chống virus có uy tín trên các thiết bị điện tử này.

Customer is obligated to use an electronic device with a compatible operating system to install and use the Electronic Device Application; Customer is responsible for installing good anti-virus software on these electronic devices.

- (e) Khách hàng không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại Hệ thống giao dịch điện tử.

Customer is not allowed to spread viruses, use or distribute malware or perform any acts that sabotage the Electronic Trading System.

- (f) Khách hàng phải tự ghi nhớ và chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo mật thông tin TKCK và tất cả Mật Khẩu cho riêng mình; Khách hàng không được chia sẻ thông tin TKCK hay Mật Khẩu với bất kỳ ai khác nếu không được VPS chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.

Customer must remember and is responsible for storing and securing his own Securities Account information and all Passwords; Customer may not share Securities Account information or Password with anyone else without written consent from VPS.

- (g) Khách hàng tự chịu trách nhiệm đối với mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống được thực hiện đối với TKCK (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ Thao tác/giao dịch trên hệ thống nào được thực hiện đối với TKCK đều mặc nhiên được hiểu là được chính Khách hàng thực hiện. Khi phát hiện Thao tác/ giao dịch trên hệ thống giao dịch điện tử không phải do chính Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền hợp lệ) thực hiện, Khách hàng có quyền thông báo cho VPS để yêu cầu phong tỏa và/hoặc tạm khóa và/hoặc tạm dừng hoạt động TKCK và/hoặc các biện pháp khác mà VPS có thể áp dụng trong khả năng hợp lý của VPS nhằm bảo vệ TKCK của Khách hàng.

Customer is solely responsible for all operations/transactions on the system performed for Securities Account (Customer acknowledges that any operations/transactions on the system performed for Securities Account are automatically considered to be performed by Customer. Upon detecting that an operation/a transaction on the electronic trading system is not performed by Customer (or a person duly authorized by Customer), the Customer must notify VPS to request blockade and/or temporary lock and/or suspension of Securities Account operations and/or other measures that VPS may apply within its reasonable ability to protect Customer's Securities Account.

- (h) Trường hợp Khách hàng ủy quyền cho một bên khác nhân danh Khách hàng thực hiện các Thao tác/giao dịch trên Hệ thống giao dịch điện tử (kể cả việc ủy quyền theo quy định nội bộ của Khách hàng), Khách hàng thừa nhận rằng mình đã hiểu biết đầy đủ về pháp luật và quy định nội bộ liên quan đến việc ủy quyền, quyền và trách nhiệm của các bên liên quan đến văn bản ủy quyền và tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp và hợp lệ của việc ủy quyền cũng như về mọi giao dịch do người được ủy quyền thực hiện. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền của Khách hàng thì Khách hàng cam kết và đảm bảo không yêu cầu VPS phải tham gia vào quá trình giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu VPS phải tham gia theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Khách hàng cam kết chịu các phí tổn mà VPS phải chịu trong quá trình tham gia.

In case Customer authorizes another party to perform Operations/transactions on the Electronic Trading System on behalf of Customer (including authorization according to the Customer's internal regulations), Customer acknowledges that he has a full understanding of the laws and internal regulations related to authorization, rights and responsibilities of the parties related to the authorization document and takes full responsibility for the legality and validity of the authorization as well as all transactions performed by the authorized person. In the event of a dispute between Customer and Customer's Authorized Person, Customer undertakes and warrants that he will not require VPS to participate in the dispute resolution process under any circumstances. If VPS must participate in that resolution process as requested by a competent State agency, Customer commits to bear any costs that VPS incurs for its participation.

- (i) Khách hàng cũng tự chịu trách nhiệm đối với mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử đều mặc nhiên được hiểu là do chính Khách hàng đặt và gửi đi trừ trường hợp khác theo quy định tại Bộ T&C này).

Customer is solely responsible for all information, Electronic Orders or Electronic Consent placed via or sent from Phone Number or Email (Customer acknowledges that any information, Electronic Orders or Electronic Consent placed via or sent from Phone Number or Email are automatically considered to be placed and sent by the Customer unless otherwise specified in these T&Cs).

- (j) Khách hàng phải thông báo cho VPS ngay sau khi (i) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) bị mất hoặc bị đánh cắp điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc (iii) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi và/hoặc nhận Thư điện tử từ và/hoặc đến Thư điện tử.

Customer must notify VPS immediately after (i) the electronic device installed with Electronic Device Application or other system under the Electronic Transaction System is lost or stolen; (ii) phone or SIM card associated with the Phone Number is lost or stolen or (iii) electronic device with pre-installed software or applications to send and/or receive emails from and/or to Email is lost or stolen.

- (k) Khách hàng phải thông báo ngay cho VPS khi gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử hay ký kết Hợp đồng điện tử mà không được xác thực theo quy định tại Điều C8.

Customer must immediately notify VPS upon sending an Electronic Order or Electronic Consent or signing an Electronic Contract without being authenticated as prescribed in Article C8.

- (l) Khách hàng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho VPS theo quy định của pháp luật phát sinh từ:

Customer is responsible for compensating for any damage to VPS according to the provisions of law, which arises due to:

- (i) hành vi lừa dối của Khách hàng;

Customer's fraudulent conduct;

- (ii) hành vi vi phạm Phần C này của Khách hàng;

Customer's violation of this Part C;

- (iii) hành vi sử dụng sai mục đích Hệ thống giao dịch điện tử; hoặc

misuse of the Electronic Trading System; or

- (iv) hành vi sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử cho các giao dịch hay hoạt động trái pháp luật.

use of the Electronic Trading System for illegal transactions or activities;

- (m) Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, Hợp đồng mở TKCK, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với VPS và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Customer have other rights and obligations specified in this Part C, Securities Account Opening Contract, other contracts/agreements signed with VPS and according to the provisions of Vietnamese laws.

ĐIỀU C10. CÔNG BỐ RỦI RO

ARTICLE C10. RISK DISCLOSURE

Khách hàng đồng ý rằng việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử luôn gắn với rủi ro và Khách hàng tự nguyện chấp nhận các rủi ro đó. Dưới đây là một số rủi ro (Khách hàng đồng ý rằng danh sách này không phải là danh sách đầy đủ các rủi ro ảnh hưởng đến việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử):

Customer agrees that the use of the Electronic Trading System, Phone Number and Email always involves risks and Customer voluntarily accepts those risks. Below are some risks (Customer agrees that this list is not a complete list of risks affecting the use of the Electronic Trading System, Telephone Number and Email):

- 10.1 Rủi Ro Tắc Ngẽn/Gián Đoạn Hệ Thống Mạng:** Rủi ro này thể hiện thông qua việc nghẽn đường truyền, đứt đường truyền hay quá tải đường truyền. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

Risk of Network Congestion/Disruption: This risk is manifested through transmission blockage, transmission interruption or transmission overload. The consequences of this risk may be that (i) Customer cannot access securities account through the Electronic Trading System or (ii) Operations/transactions on the system are delayed, interrupted, or stopped or hindered.

- 10.2 Rủi Ro Hệ Thống Bị Tấn Công Trái Phép:** Rủi ro này thể hiện thông qua việc thiết bị điện tử của Khách hàng cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử, mạng nội bộ của VPS hoặc mạng kết nối giữa VPS và các bên thứ ba có liên quan bị nhiễm virus, bị xâm nhập, can thiệp trái phép, bị chiếm quyền điều khiển hay bị tấn công. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, bị đánh cắp, bị xóa hoặc bị chỉnh sửa; (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác và/hoặc (iv) Thao tác/giao dịch trên hệ thống do Khách hàng thực hiện bị chỉnh sửa, bị làm sai lệch, bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

Risk of the System being illegally attacked: This risk is expressed through Customer's electronic device installed with the electronic trading system, VPS internal network or the connection network between VPS and any involved third parties are infected with viruses, infiltrated, illegally interfered with, hijacked or attacked. The consequences of this risk may be that (i) Customer cannot access securities accounts through the Electronic Trading System; (ii) Securities account information is leaked, stolen, deleted or edited; (iii) Operations/transactions on the system are performed by others and/or (iv) Operations/transactions on the system performed by Customer are edited, falsified, delayed, or interrupted, stopped or hindered.

- 10.3 Rủi Ro Từ Lỗi Ứng Dụng/Phần Mềm:** Rủi ro này tồn tại ở dạng có lỗi xây dựng, thiết kế phần mềm dùng để chạy Hệ thống giao dịch điện tử hoặc mạng nội bộ của VPS hoặc mạng kết nối giữa VPS và các bên thứ ba có liên quan. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử, (ii) thông tin TKCK không hiển thị đầy đủ hoặc sai lệch và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

Risk from Application/Software Errors: This risk exists in the defects in the construction and design of software used to run the electronic trading system or the VPS internal network or the connection network between the VPS and other relevant third party. The consequences of this risk may be that (i) Customer cannot access securities account through the Electronic Trading System, (ii) Securities account information is not fully or incorrectly displayed and/or (iii) operations/transactions on the system are delayed, interrupted, stopped or hindered

- 10.4 Rủi Ro Con Người:** Rủi ro này phát sinh từ việc có sự can thiệp trái phép của nhân viên VPS đối với thông tin TKCK hoặc truy cập trái phép TKCK. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, không hiển thị đầy đủ hoặc bị chỉnh sửa và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác không phải Khách hàng.

Human Risk: This risk arises from unauthorized intervention by VPS staffs on the securities account information or unauthorized access to the securities account. The consequences of this risk may be that (i) Customer cannot access securities account through the Electronic Trading System; (ii) securities account information is disclosed, not fully displayed or edited and/or (iii) Operations/transactions on the system are performed by someone other than Customer.

PHẦN D: QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH/ PART E: REGULATIONS ON DERIVATIVES TRADING

ĐIỀU D1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

ARTICLE D1. DEFINITIONS

Trong Phần D này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

In this Part D, the following terms have the following meanings

- 1.1 **“Chứng khoán phái sinh” (“CKPS”):** Là chứng khoán quy định tại các văn bản pháp luật về chứng khoán hiện hành, bao gồm: Hợp đồng tương lai, quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn và chứng khoán phái sinh khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

“Derivative securities” (“Derivatives”): means securities specified in current securities legal documents, including futures contracts, options, forward contracts and other derivatives according to instructions of the Ministry of Finance and relevant legal regulations.

- 1.2 **“Hợp đồng tương lai chỉ số chứng khoán”:** Là chứng khoán phái sinh dựa trên tài sản cơ sở là chỉ số chứng khoán.

“Index futures contract”: means derivatives based on the underlying asset which is a stock index.

- 1.3 **“Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ” (“HĐTL TPCP”):** Là chứng khoán phái sinh dựa trên tài sản cơ sở là trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu giả định có một số đặc điểm đặc trưng như một trái phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành.

“Government bond futures contract” (“GBFC”): means derivatives based on the underlying asset which is a Government bond or a hypothetical bond with several typical characteristics like a Government bond issued by the State Treasury.

- 1.4 **“Tài khoản phái sinh”:** Được hiểu là bao gồm tài khoản giao dịch phái sinh và tài khoản ký quỹ của Khách hàng được VPS mở trên cơ sở yêu cầu, đề nghị mở tài khoản của Khách hàng để Khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh.

“Derivative account” means an account including Customer's derivatives trading account and margin account opened by VPS as requested by Customer to conduct derivatives trading.

- 1.5 **“Tài khoản giao dịch phái sinh” (“TKGDPS”):** Là tài khoản của Khách hàng mở tại VPS để thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh.

“Derivatives trading account” (“DTA”): means the customer's account opened at VPS to conduct derivatives transactions.

- 1.6 **“Tài khoản ký quỹ”:** bao gồm tài khoản tiền gửi ký quỹ và tài khoản chứng khoán ký quỹ được VPS mở cho Khách hàng để thực hiện các hoạt động liên quan đến ký quỹ tài sản, thanh toán bù trừ giao dịch CKPS.

“Margin account”: includes margin deposit account and margin securities account opened by VPS for Customers to perform activities related to asset margin and clearing of derivatives transactions.

- 1.7 **“Ký quỹ”:** Là việc Khách hàng gửi tiền hoặc chứng khoán được chấp nhận ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện giao dịch và nghĩa vụ thanh toán giao dịch CKPS, lỗi vị thế, nghĩa vụ thanh toán tiền, chứng khoán chuyển giao khi thực hiện hợp đồng và các nghĩa vụ phát sinh của Khách hàng.

“Margin”: Customer pay money or securities accepted as a margin to ensure the execution of transactions and the Customer's obligation to pay for derivatives transactions, position loss, payment obligation, securities to be delivered under the execution of contract or derivative obligations.

- 1.8 **“Giá trị tài sản ký quỹ”:** Bao gồm số dư tiền trên tài khoản ký quỹ và giá trị danh mục chứng khoán ký quỹ

được xác định theo quy định của VSDC và/hoặc VPS từng thời kỳ.

“Value of margin assets”: includes the cash balance on the margin account and the value of the margin securities portfolio determined according to the regulations of VSDC and/or VPS from time to time.

- 1.9 **“Ký quỹ ban đầu”**: Là việc ký quỹ trước khi thực hiện giao dịch CKPS.

“Initial margin”: means the margin before performing derivatives transactions.

- 1.10 **“Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu” (“MR”)**: Là giá trị ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải duy trì và do VSDC và/hoặc VPS tính toán để duy trì số vị thế CKPS trên tài khoản phái sinh.

“Margin requirement” (“MR”): means the minimum margin value that Customer must maintain, which is calculated by VSDC and/or VPS for maintaining the number of derivatives positions on the derivatives trading account.

- 1.11 **“Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền”**: Là tỷ lệ giữa giá trị tài sản ký quỹ bằng tiền so với tổng giá trị tài sản ký quỹ. Trong mọi trường hợp, tỷ lệ ký quỹ bằng tiền phải tuân theo quy định của VPS và/hoặc các quy định của cơ quan quản lý từng thời kỳ.

“Cash margin ratio” means the ratio between the margin value in cash compared to the total margin value. In all cases, the cash margin ratio must comply with the regulations of VPS and/or the regulations of the management agency from time to time.

- 1.12 **“Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ”**: Là tỷ lệ giữa giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu (MR) với tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ.

“Margin utilization ratio”: means the ratio between the margin requirement (MR) and the total valid margin value.

- 1.13 **“Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ duy trì”**: Là tỷ lệ tối thiểu giữa Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu với Tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ mà Khách hàng cần duy trì trên tài khoản phái sinh.

“Maintenance margin utilization ratio”: means the minimum ratio between the margin requirement and the total valid margin value that Customer needs to maintain on the Derivatives Trading Account.

- 1.14 **“Tỷ lệ an toàn”**: là tỷ lệ do VPS xác định dựa trên giá trị tài sản ròng của Khách hàng nhằm đánh giá mức độ an toàn của tài khoản CKPS.

“Safety ratio”: means the ratio that VPS determines based on the net asset value of Customer for the purpose of evaluating the safety level of derivatives account.

- 1.15 **“Vị thế một CKPS”**: Là trạng thái giao dịch và khối lượng CKPS còn hiệu lực mà Khách hàng đang nắm giữ tính tới thời điểm đó. Khách hàng mua hoặc bán một CKPS được gọi là mở vị thế mua hoặc mở vị thế bán CKPS đó.

“Derivatives position” means the trading status and volume of valid derivatives that the Customer is holding up to that time. Buying or selling a derivative by Customer is called buy open position or short open position of that derivative.

- 1.16 **“Giao dịch đối ứng”**: Là việc mở một vị thế mua (hoặc bán) mới nhằm đóng một phần/toàn bộ vị thế bán (hoặc mua) của CKPS cùng loại, cùng tài sản cơ sở, cùng ngày đáo hạn đã mở trước đó.

“Countertrade” means the opening of a new buy (or sell) position to partially/completely close a previously opened sell (or buy) position of the derivatives securities in the same types, with the same underlying asset and expiration date.

- 1.17 **“Giá thanh toán cuối ngày” (“DSP”)**: Là mức giá được xác định cuối ngày giao dịch để tính toán lãi lỗ hàng ngày của các vị thế.

“Daily settlement price” (“DSP”) means the price determined at the end of the trading day to calculate daily profit and loss of positions.

- 1.18 **“Giá thanh toán cuối cùng” (“FSP”)**: Là mức giá được xác định tại ngày giao dịch cuối cùng để xác định nghĩa vụ thanh toán khi thực hiện hợp đồng.

“Final Settlement Price” (“FSP”) means the price determined on the last trading day to determine the payment obligation when executing the contract.

- 1.19 **“Ngưỡng cảnh báo”**: Là các giới hạn vi phạm về tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ duy trì, tỷ lệ an toàn, giới hạn vị thế và/hoặc các cảnh báo khác (nếu có) được VPS quy định trong từng thời kỳ.

“Warning threshold” sets limits on maintenance margin utilization ratio, safety ratio, position limit and/or other warnings (if any) specified by VPS from time to time.

- 1.20 **“Mất khả năng thanh toán”**: Là trạng thái tài khoản của Khách hàng không thực hiện đầy đủ hoặc kịp thời nghĩa vụ thanh toán lỗ vị thế hàng ngày hoặc nghĩa vụ bổ sung tài sản ký quỹ do vi phạm tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ; hoặc thanh toán tiền thực hiện Hợp đồng và/hoặc không chuyển đủ nghĩa vụ thanh toán thực hiện Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ hoặc theo quy định của VPS và/hoặc VSDC từng thời kỳ.

“Insolvency” means the state in which the Customer’s account fails to fully or promptly fulfill the obligation to pay daily position losses or to replenish margin due to violation of margin utilization ratio, or pay for the performance of the Contract and/or fail to fully pay to perform the Government Bond Futures Contract or according to the regulations of VPS and/or VSDC from time to time.

- 1.21 **“Lệnh gọi ký quỹ bổ sung”**: Là thông báo từ VPS nhằm yêu cầu Khách hàng thực hiện nộp ký quỹ bổ sung do vi phạm tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ duy trì hoặc các trường hợp khác theo quy định của VPS trên tài khoản do vi phạm các ngưỡng cảnh báo.

A “Margin call” means a notice from VPS to request Customer to make additional margin due to the violation of maintenance margin utilization ratio or otherwise under VPS’s regulations on the account arising violation of warning thresholds.

- 1.22 **“Cơ quan có thẩm quyền”** gồm Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, VSDC, SGDCK và cơ quan Quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác.

“Competent agencies” include the Government, Ministry of Finance, State Securities Commission, VSDC, Stock Exchange and other competent State management agencies.

ĐIỀU D2. MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH PHÁI SINH

ARTICLE D2. OPENING A DERIVATIVE TRADING ACCOUNT

- 2.1 Trên cơ sở Hợp đồng mở TKCK và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán giữa Khách hàng và VPS, phù hợp với quy định pháp luật, các quy chế, quy định hiện hành của VSDC, VPS đồng ý mở cho Khách hàng 01 tài khoản giao dịch CKPS và thay mặt Khách hàng cung cấp thông tin tài khoản giao dịch CKPS, đăng ký thông tin tài khoản chứng khoán ký quỹ vào khu vực thị trường chứng khoán phái sinh của VSDC.

Based on the Securities Account Opening Contract and registration of using securities services between Customer and VPS, in accordance with the law and applicable regulations of VPS, VPS agrees to open 01 derivatives trading account for Customer and on behalf of the Customer to provide derivatives trading account derivatives trading account information, register margin securities account information in VSDC’s derivatives securities market area.

Trên cơ sở Hợp đồng mở TKCK và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán giữa Khách hàng và VPS, Khách hàng lựa chọn quản lý tiền, chứng khoán ký quỹ tại VPS và chấp thuận ký quỹ tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán tại ngân hàng thanh toán mà VPS lựa chọn. Lãi suất tiền gửi áp dụng đối với số dư tiền ký quỹ được áp dụng theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn theo công bố của ngân hàng nơi mở tài khoản.

Based on SA Opening Contract and the registration of securities service between Customer and VPS, Customer chooses to manage funds, margin securities at VPS and agree to deposit the funds in the deposit account at paying bank chosen by VPS. The deposit fund interest rate applied to the fund balance shall be the applicable non-term deposit interest rate as published by the bank where the account is opened.

- 2.2 VPS không thực hiện mở tài khoản giao dịch CKPS cho các đối tượng sau đây:

VPS does not open derivatives trading accounts for the following subjects

- (a) Người chưa thành niên;

Individuals under the age of majority;

- (b) Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người đang chấp hành hình phạt tù, hoặc bị Tòa án cấm hành nghề, làm công việc nhất định;

Individuals who have a restricted or lost civil act capacity, have difficulties in recognition and controlling their behaviors, are serving a prison sentence, or are banned from practicing certain business/job by the

Court;

- (c) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), các trưởng bộ phận, nhân viên của thành viên giao dịch khác;

Member of the Board of Directors, member of the Member/Partner Assembly, Director (General Director), Deputy Director (Deputy General Director), Heads of departments, and employees of other trading members;

- (d) Cá nhân, tổ chức bị cơ quan có thẩm quyền cấm thực hiện các hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; và

Individuals and organizations being banned from practicing in the securities activities and securities market by the competent authorities; and

- (e) Những đối tượng khác bị cấm giao dịch chứng khoán phái sinh, không được mở tài khoản CKPS theo quy định của pháp luật.

Other entities prohibited from trading derivatives, open derivatives account according to the provisions of law.

- 2.3 Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định về điều kiện mở TKGDPS. Trường hợp VPS phát hiện Khách hàng không trung thực trong việc cung cấp thông tin mở tài khoản và/hoặc Khách hàng là một trong số các đối tượng được quy định nêu trên, VPS có quyền tự động từ chối việc nhận lệnh giao dịch của Khách hàng, ngoại trừ các giao dịch đối ứng để đóng vị thế; đồng thời tiến hành đóng tài khoản của Khách hàng ngay sau khi hoàn tất việc thanh lý vị thế của Khách hàng đó mà không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Khách hàng.

Customer is fully responsible for complying with regulations on conditions for opening derivatives trading account. In case VPS detects that Customer is not truthful in providing information for account opening and/or the Customer is one of the subjects specified above, VPS may automatically refuse to accept trading orders from Customer, except for countertrade to close positions; and, close the Customer's account immediately after completing the liquidation of these Customer's positions without any compensation for any damages to Customer.

- 2.4 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đúng, đầy đủ và cập nhật khi có sự thay đổi các thông tin cần thiết cho việc mở, quản lý TKGDPS. VPS không chịu trách nhiệm nếu Khách hàng không cung cấp thông tin thay đổi dẫn đến việc không trùng khớp thông tin, gây gián đoạn việc giao dịch CKPS của Khách hàng.

Customer is obligated to provide correct, complete and updated information if there is any change in information necessary for opening and managing the derivatives trading account. VPS is not responsible if Customer does not provide the changed information, leading to mismatched information, disrupting the Customer's derivatives trading.

ĐIỀU D3. GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

ARTICLE D3. DERIVATIVES TRADING

- 3.1 Sau khi mở tài khoản CKPS, Khách hàng được thực hiện giao dịch CKPS theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền về việc mở tài khoản CKPS.

After opening a derivatives account, Customer is entitled to entipperform derivatives transactions according to the regulations of the competent authority on opening derivatives accounts.

- 3.2 Việc nhận, thực hiện và xác nhận lệnh, kết quả giao dịch CKPS được thực hiện theo quy định tại Phần A Bộ T&C này. Giao dịch CKPS của Khách hàng sẽ được VPS thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Cơ quan có thẩm quyền và của VPS trong từng thời kỳ. VPS có quyền từ chối nhận lệnh của Khách hàng trong các trường hợp sau:

Receiving, executing and confirming orders and derivatives trading results are carried out according to Part A of these T&Cs. Customer's derivatives transactions will be carried out by VPS complying with the regulations of the competent authority and of VPS from time to time. VPS is entitled to refuse to accept Customer orders in the following cases:

- (a) Khách hàng chưa ký quỹ đầy đủ theo quy định của VPS và/hoặc quy định của VSDC (nếu có), trừ các giao dịch đối ứng; hoặc

Customer has not fully margined according to VPS regulations and/or VSDC regulations (if any), except for countertrade; or

- (b) Tài khoản của Khách hàng đang mất khả năng thanh toán hoặc đang bị tạm ngừng giao dịch theo quy định của VSDC, Sở giao dịch chứng khoán; hoặc

Customer's account is insolvent or is temporarily suspended from trading according to the regulations of VSDC and of the Stock Exchange; or

- (c) Lệnh vượt quá giới hạn vị thế theo quy định của VPS và/hoặc quy định của VSDC;

Any order exceeds position limits according to VPS regulations and/or VSDC regulations;

- (d) Lệnh mà cùng với các lệnh đang chờ thực hiện trên hệ thống của tài khoản giao dịch sẽ làm vượt quá giới hạn lệnh tích lũy hoặc lệnh dẫn tới vị thế của Khách hàng trên tài khoản vượt quá giới hạn vị thế theo quy chế của SGDK, VSDC (nếu có); hoặc

An order that, together with pending orders of the trading account on the system, would exceed the cumulative order limit or an order that would result in Customer's position on the account exceeding the position limit as prescribed by regulations of the Stock Exchange and of VSDC (if any); or

- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền.

Other cases as prescribed by the competent authority.

- 3.3 Nếu Khách hàng không tuân thủ một hoặc nhiều quy định bất kỳ về giao dịch chứng khoán phái sinh, VPS có quyền từ chối thực hiện giao dịch của Khách hàng. Khách hàng cam kết không có bất kỳ khiếu kiện nào đối với VPS khi VPS từ chối thực hiện giao dịch như vậy.

If Customer does not comply with one or more regulation(s) on derivatives trading, VPS is entitled to refuse to execute Customer's transaction. Customer undertakes not to have any complaints against VPS in case VPS refuses to perform such a transaction.

ĐIỀU D4. KÝ QUỸ, QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ KÝ QUỸ TRONG GIAO DỊCH PHÁI SINH

ARTICLE D4. MARGIN, MANAGEMENT AND DISPOSAL OF MARGIN IN DERIVATIVES TRADING

4.1 Ký Quỹ Thực Hiện Giao Dịch Chứng Khoán Phái Sinh

Margin for Derivative Securities Trading

- (a) Khách hàng có trách nhiệm nộp ký quỹ ban đầu đầy đủ và kịp thời cho toàn bộ vị thế dự kiến mở trước khi Khách hàng thực hiện các giao dịch, ngoại trừ các giao dịch đối ứng.

Customer is responsible for full and prompt initial margin for the entire proposed open position before Customer executes transactions, except for countertrade.

- (b) Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ duy trì được VPS thông báo cho Khách hàng theo các phương thức, hình thức quy định tại Phần A Bộ T&C này.. Khách hàng có nghĩa vụ theo dõi các thông báo của VPS để luôn đảm bảo giá trị ký quỹ thực hiện Hợp đồng. Khách hàng phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi (i) tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ vi phạm tỷ lệ do VPS/VSDC quy định; hoặc (ii) số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng tiền theo yêu cầu của VPS, VSDC; hoặc (iii) tài sản ký quỹ không đủ để đảm bảo giá trị ký quỹ yêu cầu; hoặc (iv) các trường hợp khác mà VPS đánh giá là cần thiết. VPS có quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch (intra-day margin).

The initial margin ratio and maintenance margin utilization ratio are announced by VPS from time to time to Customer in accordance with the methods stipulated in Part A of these T&Cs. Customer is obligated to follow notices of VPS to make sure the margin to perform the Contract. Customer must maintain margin for his positions and must supplement margin when (i) margin utilization ratio violates the ratio prescribed by VPS/VSDC; or (ii) the margin balance does not ensure the cash maintenance margin ratio required by VPS, VSDC; or (iii) the margin is not enough to ensure the margin requirement; or (iv) other cases that under VPS's evaluation is needed. VPS may request Customer to add intra-day margin.

- (c) Khách hàng được rút/chuyển tài sản ký quỹ nếu giá trị tài sản ký quỹ vượt quá giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu do VPS, VSDC quy định.

Customer is allowed to withdraw/transfer margin assets if the value of margin assets exceeds the required

maintenance margin value prescribed by VPS, VSDC.

- (d) Khi ký quỹ ban đầu hoặc bổ sung ký quỹ, VPS được quyền yêu cầu Khách hàng ký quỹ hoàn toàn bằng tiền hoặc cho phép Khách hàng sử dụng một phần tài sản ký quỹ là chứng khoán được chấp nhận làm tài sản bảo đảm theo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền do VPS quy định trong từng thời kỳ nhưng không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ bằng tiền theo quy định của pháp luật, quy chế VSDC có liên quan.

When making an initial margin or additional margin, VPS may request the Customer to margin entirely in cash or allow Customer to use a part of the margin assets which are accepted securities as collateral according to the cash margin ratio as prescribed by VPS from time to time but not lower than the cash margin ratio as prescribed by relevant laws and VSDC's regulations.

- (e) Trong thời gian ký quỹ, chứng khoán ký quỹ làm tài sản bảo đảm của Khách hàng vẫn được nhận các quyền và lợi ích phát sinh theo quy định pháp luật. Khách hàng không được sử dụng chứng khoán ký quỹ để chuyển nhượng, cho, tặng, thế chấp, cầm cố, ký quỹ, ký cược, đăng ký tài sản bảo đảm hoặc sử dụng các tài sản ký quỹ vào các mục đích khác.

During the margin period, the margin securities used as collaterals of Customer will still receive the rights and benefits arising therefrom in accordance with the law. Customer is not allowed to use margin securities to transfer, donate, give, mortgage, pledge, deposit, register collateral or use margin assets for other purposes

4.2 Ký Quỹ Trong Giao Dịch Hợp Đồng Tương Lai Trái Phiếu Chính Phủ

Margin in Trading of Government Bond Futures Contracts

- (a) Ngoài khoản ký quỹ ban đầu, Khách hàng phải nộp ký quỹ đảm bảo thực hiện HĐTL TPCP bằng tiền hoặc trái phiếu trong danh sách các trái phiếu có thể chuyển giao theo quy định của VPS phù hợp với quy định của VSDC (bao gồm nhưng không giới hạn: tỷ lệ nộp, thời hạn nộp...).

In addition to the initial margin, Customer must deposit margin to ensure the performance of the Government Bond Futures Contract in cash or bonds in the list of transferable bonds as regulated by VPS, and in accordance with VSDC regulations (including but not limited to payment rate, payment deadline...).

- (b) Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ đảm bảo thực hiện HĐTL TPCP, tỷ lệ chiết khấu chứng khoán ký quỹ và các tỷ lệ khác được VPS thông báo cho Khách hàng theo các phương thức, hình thức quy định tại Phần A Bộ T&C này. Khách hàng có nghĩa vụ theo dõi các thông báo của VPS để luôn đảm bảo giá trị ký quỹ thực hiện Hợp đồng. Khách hàng phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi (i) tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ vi phạm tỷ lệ do VPS/VSDC quy định; hoặc (ii) số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng tiền theo yêu cầu của VPS; hoặc (iii) tài sản ký quỹ không đủ để đảm bảo giá trị ký quỹ yêu cầu; hoặc (iv) các trường hợp khác mà VPS đánh giá là cần thiết. VPS có quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch (intra-day margin).

Initial margin rate, margin rate to ensure implementation of government bond futures contract, margin securities discount rate and other rates are announced by VPS to Customer in accordance with the method stipulated Part A of these T&Cs. Customer is obligated to follow announcements by VPS to always ensure the margin value for contract performance. Customer must maintain margin for his positions and must supplement margin when (i) margin asset utilization ratio violates the ratio prescribed by VPS/VSDC; or (ii) the margin balance does not satisfy the cash margin maintenance ratio required by VPS; or (iii) the margin is not enough to ensure the margin requirement; or (iv) other cases that under VPS's evaluation is needed. VPS may request Customer to add intra-day margin

- (c) Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì và thanh toán lỗ vị thế hàng ngày theo quy định của VPS từng thời kỳ. Trường hợp Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ này dẫn đến việc Khách hàng/VPS phải tìm đối tác để hỗ trợ các khoản duy trì và thanh toán thì Khách hàng có trách nhiệm tự mình thanh toán toàn bộ các chi phí, phí tổn, tiền phạt (nếu có) liên quan đến việc hỗ trợ nêu trên.

Customer is obligated to ensure the maintenance margin ratio and pay daily position losses according to VPS regulations from time to time. In case Customer violates these obligations, resulting in the Customer/VPS having to find a partner to support maintenance and payments, Customer is responsible for paying all costs, expenses, and fines (if any) related to the above support

4.3 Tài Sản Ký Quỹ

Margin Assets

- (a) Tài sản ký quỹ bao gồm: (i) Tiền mặt; (ii) Chứng khoán được phép sử dụng làm tài sản ký quỹ theo quy định của pháp luật: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh ngoại trừ tín phiếu Kho bạc; Chứng khoán niêm yết tại SGDC (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF); Các chứng khoán khác theo quy định của VSDC từng thời kỳ; (iii) Các loại tài sản khác theo quy định của VPS và pháp luật tại từng thời kỳ.

Margin assets include: (i) Cash; (ii) Securities allowed to be used as collateral according to the provisions of law: Government bonds, Government-guaranteed bonds except Treasury bills; Securities listed on the Stock Exchange (stocks, investment fund certificates except ETF fund certificates); Other securities as prescribed by VSDC from time to time; (iii) Other types of assets as prescribed by VPS and the laws from time to time

- (b) Tiền mặt nhận ký quỹ là tiền Đồng Việt Nam. Trường hợp pháp luật và quy định của VPS cho phép, Khách hàng có thể chuyển tiền ký quỹ, giao dịch CKPS bằng ngoại tệ được VPS chấp nhận. Thời gian và phương thức chuyển đổi ngoại tệ sang đồng Việt Nam được thực hiện theo hướng dẫn của VPS, ngân hàng thanh toán và pháp luật.

Margin asset in cash shall be Vietnamese Dong. In cases where the law and VPS's regulations allow, the Customer may transfer the funds and derivative securities transaction in foreign currency under VPS's acceptance. The period and method of converting foreign currency to Vietnamese Dong shall be carried out according to the guidance of VPS, the paying bank and the law.

- (c) Điều kiện ghi nhận chứng khoán làm tài sản ký quỹ: Đáp ứng các điều kiện, quy định theo chính sách của VPS từng thời kỳ (nếu có).

Conditions for recognize securities as collaterals: Satisfy other terms and conditions prescribed by VPS from time to time (if any).

4.4 Quản Lý Tỷ Lệ Sử Dụng Tài Sản Ký Quỹ

Managing the Margin Asset Utilization Ratio

- (a) Khách hàng có trách nhiệm chủ động theo dõi tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ, tỷ lệ an toàn và các tỷ lệ khác nhằm đảm bảo không vi phạm ngưỡng cảnh báo mà không phụ thuộc vào việc VPS có gửi lệnh gọi ký quỹ bổ sung hay không. Khách hàng có trách nhiệm nộp ký quỹ bổ sung cho VPS ngay khi vi phạm ngưỡng cảnh báo này hoặc ngay khi nhận được yêu cầu của VPS, tùy trường hợp nào xảy ra trước. Trong mọi trường hợp, nếu Khách hàng không thực hiện ký quỹ bổ sung đầy đủ và đúng thời hạn, Khách hàng được coi là mất khả năng thanh toán và VPS có quyền áp dụng các hình thức xử lý tài khoản giao dịch CKPS của Khách hàng theo quy định của Phần E này và pháp luật có liên quan.

The Customer is responsible for actively monitoring margin utilization ratio, safety ratio and other ratios to ensure that the warning threshold is not violated regardless of whether the VPS has made a margin call or not. The Customer is responsible for additional deposit to the VPS immediately upon the violation of this warning threshold or upon receipt of a request from the VPS, whichever occurs first... In all cases, if Customer does not make additional margin in full and on time, Customer is considered insolvent and VPS may apply the methods to dispose Customer's derivatives trading account according to the provisions of this Part E and relevant laws.

- (b) VPS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) gửi thông báo lệnh gọi ký quỹ bổ sung khi tài khoản vi phạm ngưỡng cảnh báo. Lệnh gọi bổ sung tài sản ký quỹ có thể được thực hiện bằng một trong các hình thức: thông báo theo phần A Bộ T&C này.

VPS has the right (but not the obligation) to send a margin call when the account violates the warning threshold. A margin call can be made in one of the methods stipulated in Part A of these T&Cs..

- (c) VPS có quyền thực hiện ngay các biện pháp cần thiết theo quy định hoặc theo đánh giá của VPS bao gồm việc tự động đóng một phần hoặc toàn bộ các vị thế trên tài khoản phái sinh của Khách hàng và tất cả các biện pháp cần thiết khác để đảm bảo tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì.

VPS has the right to immediately take necessary measures according to regulations or VPS's evaluation including automatically closing a part or all of the positions on Customer's derivatives account and all other necessary measures to ensure that the margin utilization rate is lower than the maintenance margin rate.

4.5 Xử Lý Tài Sản Ký Quỹ Trong Trường Hợp Tài Khoản Mất Khả Năng Thanh Toán

Margin Assets disposal in Case of Account Insolvency

Nếu Khách hàng vi phạm ngưỡng cảnh báo hoặc mất khả năng thanh toán, VPS có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau:

If Customer violates the warning threshold or becomes insolvent, VPS is entitled to (but not obligated) to perform one, several or all of the following tasks:

- (a) Đình chỉ việc nhận lệnh của Khách hàng, đồng thời hủy các lệnh giao dịch chưa thực hiện;
Suspend receiving orders from the Customer, and cancel unexecuted trading orders;
- (b) Thực hiện rút toàn bộ tiền mặt hiện có trên TKGDPS của Khách hàng;
Make a withdrawal of all available cash on the Customer's derivatives trading account;
- (c) Thực hiện rút tiền ký quỹ của Khách hàng tại VSDC (nếu được VSDC chấp thuận);
Make a withdrawal of Customer's margin at VSDC (if getting approval from VSDC)
- (d) Thực hiện việc đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế đối với các vị thế mở của Khách hàng nếu Khách hàng không chủ động thực hiện bổ sung tài sản ký quỹ theo thông báo đã nhận;
Close a part or all of Customer's open positions if Customer does not proactively add margin assets according to the received margin call;
- (e) Sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ của Khách hàng mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng;
Use, sell, transfer Customer's margin assets without Customer's approval;
- (f) Thực hiện thu toàn bộ tiền mặt hiện có và/hoặc bán, chuyển giao tài sản của Khách hàng trên các tài khoản khác mà Khách hàng hiện đang có tại VPS, bao gồm nhưng không giới hạn tiền trên TKCK (kể cả tài khoản ký quỹ) (trong trường hợp này, VPS được thu toàn bộ tiền mặt hiện có mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng); và
Collect all available cash and/or sell and transfer Customer's assets available on other accounts opened at VPS, including but not limited to money in the securities account (including margin account) (in this case, VPS is entitled to collect all available cash without Customer's approval); and
- (g) Các biện pháp khác theo quy định của VPS và/hoặc pháp luật có liên quan.
Other measures as prescribed by VPS and/or relevant laws.

Tùy thuộc từng thời điểm và điều kiện thị trường, VPS sẽ tùy nghi áp dụng một/toàn bộ các biện pháp nêu trên. Nếu sau khi áp dụng toàn bộ các biện pháp nêu trên mà TKCK vẫn không đủ khả năng thanh toán, VPS sẽ phối hợp với VSDC để tạm ứng nghiệp vụ nhằm thực hiện bù đắp khoản lỗ cho Khách hàng, Khách hàng có trách nhiệm thanh toán cho VPS toàn bộ tài sản đã tạm ứng và chịu mọi khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc xử lý tài sản nêu trên.

Depending on time and market conditions, VPS will optionally apply one/all of the above measures. If after applying all of the above measures, the securities account still does not have enough ability to pay, VPS will coordinate with VSDC to advance operations to offset losses for Customer, Customer is responsible for payment to VPS all advanced assets and bear all expenses incurred related to the disposal of the above assets.

ĐIỀU D5. THANH TOÁN

ARTICLE D5. PAYMENT

5.1 Khách hàng có nghĩa vụ:

Customer is obligated:

- (a) Thanh toán lỗ vị thế: Khách hàng lỗ vị thế có nghĩa vụ thanh toán khoản lỗ cho VPS theo thời gian do VPS quy định tại từng thời kỳ.
To pay position losses: Customer with position losses is obligated to pay losses to VPS in time specified by VPS from time to time.
- (b) Thanh toán các khoản phí, thuế và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của VPS và Cơ quan có thẩm quyền. Các khoản phí, thuế này được VPS thông báo từng thời kỳ qua một trong các hình thức được quy định tại Phần A Bộ T&C này. Khách hàng có trách nhiệm tìm hiểu để nắm thông tin trước khi thực hiện giao dịch.

To pay fees, taxes and other related expenses (if any) when conducting derivatives transactions according to regulations of VPS and of competent authorities. These fees and taxes are notified by VPS from time to time through one of the methods stipulated in Part A of these T&Cs. Customer is responsible for finding out information before making a transaction.

- (c) Thanh toán các khoản tiền do VPS đã hỗ trợ thanh toán trên tài khoản của Khách hàng do các nguyên nhân bao gồm nhưng không giới hạn bởi: VPS thay mặt Khách hàng nộp ký quỹ, tài khoản phái sinh của Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ thanh toán các khoản phí, thuế và các khoản chi phí liên quan khác theo quy định của cơ quan quản lý.

To pay amounts supported by VPS in the Customer's account due to reasons including but not limited to: VPS on behalf of Customer making the margin deposit or Customer's derivative account breaching obligations to pay fees, taxes and other related expenses according to regulations of the management agency.

- 5.2 Khách hàng có trách nhiệm theo dõi việc thu phí, thuế, chi phí khác (nếu có) trên các báo cáo, sao kê của mình. Trường hợp có sự khác biệt, Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho VPS trong vòng 03 ngày làm việc. Quá thời hạn này mà Khách hàng không có phản hồi với VPS được hiểu là Khách hàng mặc nhiên xác nhận và đồng ý với việc kê khai và thu nộp thuế, phí, lệ phí và chi phí khác của VPS.

Customer is responsible for monitoring the collection of fees, taxes, and other costs (if any) on his reports and statements. In case of any difference, Customer is responsible for informing VPS within 03 working days. During that period if Customer does not respond to VPS, it is considered that Customer automatically confirms and agrees with the declaration and collection of taxes, fees, charges and other expenses of VPS.

- 5.3 Trong mọi trường hợp, nếu Khách hàng không thanh toán và/hoặc thanh toán không đầy đủ các nghĩa vụ nêu tại Khoản 5.1 đúng thời gian quy định, các nghĩa vụ còn lại được xem như khoản nợ của Khách hàng được cộng dồn lại và bị tính lãi theo quy định của VPS và/hoặc Bên thứ ba (nếu có). VPS có quyền tự động rút và xử lý tài sản ký quỹ trên tài khoản phái sinh của Khách hàng, các tài sản khác của Khách hàng để thanh toán cho các nghĩa vụ nêu trên của Khách hàng cho đến khi được thanh toán đầy đủ.

In all cases, if Customer fails to pay and/or does not fully pay the obligations stated in Clause 5.1 on time, the outstanding obligations are considered as the Customer's debts, which are accumulated and subject to interest according to the regulations of VPS and/or of third party (if any). VPS has the right to automatically withdraw and dispose margin assets in Customer's derivative account and Customer's assets to pay for the Customer's above obligations until fully paid.

- 5.4 Nếu VPS đánh giá Khách hàng có khả năng vi phạm các nghĩa vụ thanh toán tại Khoản 5.1(c) trên đây, VPS có quyền tự động rút toàn bộ tài sản ký quỹ trên tài khoản ký quỹ của Khách hàng tại thời điểm đó dựa trên các quy định của các Cơ quan thẩm quyền.

If VPS considers that Customer is likely to violate the payment obligations in Clause 5.1(c) above, VPS may automatically withdraw all margin assets in the Customer's margin account at that time based on the regulations of the competent authorities.

ĐIỀU D6. THANH TOÁN HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

ARTICLE D6. PAYMENT FOR GOVERNMENT BOND FUTURES CONTRACTS

6.1 Thanh Toán Hợp Đồng Tương Lai Trái Phiếu Chính Phủ

Payment for Government Bond Futures Contracts

- (a) HĐTL TPCP được thanh toán bằng phương thức chuyển giao vật chất vào ngày thanh toán cuối cùng là ngày làm việc thứ ba (03) sau ngày giao dịch cuối cùng (E+3). Khách hàng cam kết thanh toán đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ thanh toán thực hiện hợp đồng HĐTL TPCP theo quy định của VPS và VSDC từng thời kỳ.

Government bond futures contracts are settled by physical transfer on the last payment date which is the third working day (03) after the last trading day (E+3). Customer commits to fully and promptly pay payment obligations to implement the Government Bond Futures Contract according to the regulations of VPS and of VSDC from time to time.

- (b) Nếu Khách hàng nắm giữ vị thế mua đến hết phiên giao dịch của ngày giao dịch cuối cùng (E) thì Khách hàng có nghĩa vụ nộp tiền vào tài khoản phái sinh của mình với số tiền không thấp hơn giá trị hợp đồng tính theo mệnh giá Trái phiếu hoặc thực hiện các biện pháp chứng minh khả năng thanh toán khác theo

yêu cầu của VPS từng thời kỳ.

If the Customer holds a long position until the end of the trading session of the last trading day (E), the Customer is obliged to pay money into his derivatives account with an amount not lower than the contract value that is calculated according to the face value of the Bond, or implement other measures to prove solvency as required by VPS from time to time.

- (c) Nếu Khách hàng nắm giữ vị thế bán đến hết phiên giao dịch của ngày giao dịch cuối cùng (E) thì Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp danh sách trái phiếu được sử dụng để chuyển giao đủ điều kiện theo quy định của VPS, VSDC từng thời kỳ.

If Customer holds a short position until the end of the trading session on the last trading day (E), the Customer is obliged to provide a list of qualified bonds used for transfer according to VPS and VSDC regulations from time to time.

- (d) Nếu Khách hàng không chứng minh khả năng thanh toán theo quy định trên hoặc không cung cấp/cung cấp không đúng, không đầy đủ danh sách trái phiếu chuyển giao theo quy định trên dẫn đến Khách hàng/VPS phải tìm đối tác thế vị hoặc tìm nguồn trái phiếu chuyển giao thay thế và/hoặc dẫn đến việc thanh toán HĐTL TPCP theo hình thức bằng tiền thì vào ngày thanh toán cuối cùng, ngoài nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các chi phí, phí tổn, tiền phạt liên quan đến việc vi phạm nghĩa vụ nêu trên (nếu có), Khách hàng có trách nhiệm bồi thường cho VPS (theo yêu cầu của VPS) với số tiền được tính theo công thức sau:

If Customer does not prove the solvency according to the above regulations or does not provide/provides an incorrect or incomplete list of transferable bonds according to the above regulations, the Customer/VPS must find a replacement partner or find a source of replacement transferable bonds, and/or leading to the payment for the government bond futures contract in cash, on the final payment date, in addition to the obligation to pay all costs, expenses, and fines due to violation of the above obligations (if any), Customer is responsible for compensating VPS (under VPS's request) with an amount calculated according to the following formula:

Giá trị bồi thường = 5% x FSP x Hệ số nhân hợp đồng x Số hợp đồng (Trong đó: FSP là giá thanh toán cuối cùng).

Compensation value = 5% x FSP x Contract multiplier x Number of contracts (In which: FSP means the final settlement price).

6.2 Thanh Toán Giá Trị Bồi Thường Và Chi Phí Có Liên Quan

Payment for Compensation Value and Related Expenses

- (a) Không mâu thuẫn với các quy định khác trong Phần E này, Khách hàng đồng ý rằng nếu vi phạm nghĩa vụ nộp tiền chứng minh khả năng thanh toán hoặc vi phạm nghĩa vụ cung cấp danh sách trái phiếu theo quy định tại Khoản 6.1(b), (c) hay (d) trên đây dẫn đến VPS phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho các bên liên quan thay Khách hàng theo quy định của VSDC và/hoặc tìm đối tác thế vị, tìm nguồn trái phiếu chuyển giao thay thế và/hoặc VPS bị phạt theo quy định của VSDC thì Khách hàng chấp nhận nợ và cam kết thanh toán đầy đủ cho VPS toàn bộ các chi phí liên quan và Giá trị bồi thường nêu trên cùng các khoản lãi, phạt phát sinh. Lãi, lãi phạt của khoản lãi, phạt do VPS áp dụng, quy định nhưng không vượt quá mức lãi suất cao nhất theo Bộ luật dân sự hiện hành.

Not inconsistent with other provisions in this Part E, Customer agrees that if he violates any obligation to pay money to prove solvency or violates the obligation to provide a list of bonds as prescribed in Clause 6.1(b), (c) or (d) above that results in that VPS has to fulfill the obligation to compensate related parties on behalf of the Customer according to VSDC regulations and/or find a replacement partner and find a source of replacement transferable bonds, and/or VPS is fined according to VSDC regulations, Customer acknowledges the debt and commits to fully pay VPS all related costs and the above compensation value along with interest and fines (if any). The interest, penalty interest of the interest and the penalty shall be imposed, stipulated by VPS but not exceeding the highest interest rate under the Civil Code.

- (b) Thời hạn thanh toán: tại ngày thanh toán cuối cùng (E+3).

Payment term: at the final settlement date (E+3).

- (c) Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán Số tiền bồi hoàn cho VPS tại ngày thanh toán cuối cùng (E+3) (nếu có) theo công thức sau:

Customer is obliged to pay the refunded amount to VPS at the final settlement date (E+3) (if any) according to the following formula:

Số tiền bồi hoàn = Giá trị bồi thường + Các chi phí liên quan

Refund amount = Compensation value + Related costs

Trong đó:

In which:

- Giá trị bồi thường được xác định theo công thức quy định tại Khoản 6.1(d) trên đây;
Compensation value is determined according to the formula specified in Clause 6.1(d) above;
- Các chi phí liên quan xác định theo thực tế phát sinh do hành vi vi phạm của Khách hàng quy định tại Khoản 6.1(d), 6.2(a) trên đây.
Related costs are determined according to the actual costs incurred due to the Customer's violations specified in Clause 6.1(d), 6.2(a) above.

- (d) Trường hợp xảy ra sự kiện tại điểm (a) Điều E6.2 và/hoặc Khách hàng không thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền bồi hoàn tại điểm (c) Điều E6.2, VPS có quyền áp dụng các biện pháp được quy định tại Điều E4.5 và các quy định liên quan Bộ T&C này nhằm xử lý, thu hồi số tiền bồi hoàn.

In case any event at point (a) Clause E6.2 occurs and/or Customer fails to make the fully and promptly payment of the refunded amount at point (c) Clause E6.2, VPS has the right to apply measures stipulated in Clause E4.5 and relevant regulations of these T&Cs for the purpose of handling and recovering the refunded amount.

ĐIỀU D7. XỬ LÝ VI PHẠM VỊ THẾ

ARTICLE D7. HANDLING OF VIOLATIONS OF POSITION

- 7.1 Khách hàng phải bảo đảm vị thế trên TKGDPS trong giới hạn vị thế theo quy chế của VSDC. Trường hợp vượt giới hạn vị thế, Khách hàng có trách nhiệm thực hiện các giao dịch đối ứng ngay trong ngày để giảm vị thế, bổ sung ký quỹ (nếu có) trong thời hạn quy định của VPS và/hoặc VSDC.

Customer must ensure his positions on derivatives trading account within the position limit according to VSDC regulations. In case the position limit is exceeded, Customer is responsible for performing the countertrades on the same day to reduce the position and supplement the margin (if any) within the time limit specified by VPS and/or VSDC.

- 7.2 Sau thời hạn nêu trên, nếu Khách hàng không hoàn tất việc giảm vị thế theo quy định thì VPS được toàn quyền chủ động phối hợp với VSDC để thực hiện giao dịch đối ứng để đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của Khách hàng. VPS có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải hoàn tất đóng vị thế của Khách hàng, do đó mọi khoản lỗ và chi phí phát sinh sẽ do Khách hàng chịu và phải thanh toán cho VPS và/hoặc VSDC theo quy định liên quan.

After the above time limit, if Customer does not complete the position reduction as prescribed, VPS may coordinate with VSDC to perform a countertrade to close a part or all of Customer's position. VPS has the right but not the obligation to complete closing Customer's position, therefore all losses and expenses incurred will be borne by Customer and must be paid to VPS and/or VSDC according to relevant regulations.

ĐIỀU D8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

ARTICLE D8. CUSTOMER'S RIGHTS AND OBLIGATIONS

8.1 Quyền Của Khách hàng

Customer's Rights

- (a) Sở hữu và hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ tiền gửi, quyền và lợi ích phát sinh từ chứng khoán ký quỹ trên TKGDPS theo quy định pháp luật, VSDC và VPS.

Own and enjoy the rights and benefits arising from deposits, rights and benefits arising from margin securities in the derivatives trading account according to the regulations of the law, VSDC and VPS.

- (b) Khách hàng được quyền rút, thay thế tài sản ký quỹ (khi đảm bảo tỷ lệ ký quỹ) theo đúng quy định của VPS và pháp luật; được quyền rút một phần tiền trên TKGDPS với điều kiện sau khi rút TKGDPS của Khách hàng vẫn đảm bảo tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ và các quy định khác của VPS trong từng thời kỳ.

Customer has the right to withdraw and replace margin assets (while ensuring the margin rate) in accordance with VPS regulations and the law; has the right to withdraw a part of the money in the Customer's derivatives trading account, provided that after withdrawal, the margin utilization rate and other regulations of VPS from time to time are still guaranteed.

- (c) Chấm dứt dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh với điều kiện đã thanh toán mọi khoản dư nợ, phí, chi phí liên quan, các nghĩa vụ khác cho VPS và bên thứ ba (nếu có).

Terminate derivatives trading services, provided that all outstanding debts, fees, related costs, and other obligations to VPS and third parties (if any) have been paid.

- (d) Được bồi thường thiệt hại nếu VPS vi phạm nghĩa vụ do cố ý, lừa dối Khách hàng theo quy định tại Phần E Bộ T&C này. Trong mọi trường hợp, mức bồi thường thiệt hại sẽ không vượt quá các khoản phí giao dịch chứng khoán phái sinh mà Khách hàng đã thanh toán cho VPS trong vòng 01 (một) tháng.

Be compensated in case VPS intentionally breaches the obligation, deceives Customer according to Part E of these T&Cs. In all cases, the compensation level shall not exceed the derivative securities trading fee that Customers has paid to VPS within 01 (one) month.

- (e) Được VPS cung cấp tính năng, tiện ích tự động nộp/chuyển/ghi tăng tài sản ký quỹ trên Tài khoản ký quỹ (tại VSDC) khi TKGDPS (tại VPS) có số dư tiền/ tài sản khả dụng, phù hợp với quy định và khả năng của VPS trong từng thời kỳ ("Ký Quỹ Tự Động"). Khách hàng đồng ý rằng VPS được toàn quyền quyết định tiêu chí, điều kiện Ký Quỹ Tự Động, bao gồm nhưng không giới hạn nhằm xác định tài sản ký quỹ, thời điểm thực hiện ký quỹ, thứ tự xử lý tài sản trong Tài khoản phái sinh để thanh toán cho các nghĩa vụ của Khách hàng với VPS và các bên liên quan và các điều kiện khác theo thông báo và khả năng hỗ trợ Khách hàng của VPS trong từng thời kỳ.

Being provided by VPS with features and utilities that automatically deposit/transfer/increase margin assets in the Margin Account (at VSDC) when the derivatives trading account (at VPS) has available cash balance/assets, in accordance with the regulations and capabilities of VPS from time to time ("Auto Margin"). Customer agrees that VPS has the full right to decide the criteria and conditions for Automatic Margin, including but not limited to determining margin assets, time of margin execution, and order of asset disposal in the derivative amount to pay for Customer's obligations to VPS and related parties and other conditions according to notice and ability by/of VPS to support Customer from time to time.

- (f) Hủy Ký Quỹ Tự Động theo quy định, hướng dẫn của VPS trong từng thời kỳ.

Cancel Auto Margin according to regulations and instructions of VPS from time to time.

8.2 Nghĩa Vụ Của Khách hàng

Customer's Obligations

- (a) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản hỗ trợ được VPS tự động thanh toán theo yêu cầu của VSDC (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán lỗ vị thế và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó cùng các chi phí liên quan cho VPS theo quy định của Bộ T&C này.

Unconditionally acknowledge debt for support amounts automatically paid by VPS as requested by VSDC (without Customer's signature) to pay for position losses and be obligated to repay all that amount and related costs to VPS according to the provisions of these T&Cs.

- (b) Trong thời gian ký quỹ, tài sản ký quỹ không được sử dụng để chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc không được sử dụng biện pháp khác để rút tiền/tài sản từ tài khoản chứng khoán ký quỹ.

During the margin period, the margin assets may not be used to transfer, donate, pledge, or mortgage to any third party, or other measures may not be used to withdraw money/assets from margin securities account.

- (c) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung tài sản ký quỹ, chủ động đóng bớt một phần hoặc toàn bộ vị thế mà mình đang nắm giữ để đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì theo quy định của VPS và/hoặc VSDC. Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của VPS khi VPS phải xử lý tài sản ký quỹ là chứng khoán cơ sở.

Actively monitor stock market fluctuations on the daily basis, proactively add margin assets, proactively

close a part or all of the positions Customer are holding to ensure the maintenance margin ratio according to regulations of VPS and/or of VSDC. Implement information disclosure (in cases where information must be disclosed according to the provisions of law) as requested by VPS when VPS must dispose margin assets that are underlying securities.

- (d) Chủ động theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động giao dịch CKPS được VPS thông báo trên website của VPS.

Actively monitor and update information related to derivatives trading activities announced by VPS on VPS website.

- (e) Đồng ý, chấp thuận và tuân thủ đúng các quy định của Phần E này; cam kết không có bất khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của Phần E này.

Agree, accept and comply with the provisions of this Part E; commits not to have any complaints or lawsuits regarding the provisions of this Part E.

- (f) Tự chịu trách nhiệm thanh toán phí, các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của VPS và pháp luật.

Be solely responsible for paying the fees, taxes and other financial obligations according to the regulation of law and VPS.

- (g) Chấp nhận các rủi ro khi đầu tư chứng khoán phái sinh.

Accept risks when investing in derivative securities.

- (h) Bồi thường cho VPS các thiệt hại (nếu có) do khách hàng gây nên.

Compensate VPS for damages (if any) caused by Customer.

- (i) Sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho VPS trong trường hợp tiền và chứng khoán ký quỹ không đủ để chi trả các nghĩa vụ liên quan đến vị thế của Khách hàng.

Use all assets and other income sources of Customer to pay for his obligations to VPS in case the money and margin securities are not enough to pay the obligations related to Customer's position.

- (j) Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho VPS được tự động chuyển, ký gửi tài sản được phép ký quỹ của Khách hàng để ký quỹ cho VSDC khi TKGDPS có số dư tiền/ tài sản khả dụng theo phương thức, hình thức và các điều kiện khác mà VPS quyết định trong từng thời kỳ mà không cần phải xác nhận lại từ Khách hàng.

Customer agrees and authorizes VPS to automatically transfer and deposit Customer's assets, which are permitted for margin, to margin with VSDC when derivatives trading account has an available cash balance/asset according to method, form and other conditions decided by VPS from time to time without reconfirmation from Customer.

- (k) Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Bộ T&C này.

Other obligations and responsibilities as stipulated in these T&Cs.

ĐIỀU D9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPS

ARTICLE D9. VPS'S RIGHTS AND OBLIGATIONS

9.1 Quyền Của VPS

VPS's Rights

- (a) Có quyền nhưng không có nghĩa vụ tự động chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền, ghi nợ, ghi có đối với các tài khoản của Khách hàng tại VPS để: (i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch nộp ký quỹ, mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại VPS để thực hiện các giao dịch CKPS theo Phần E này; (ii) có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tự động chuyển tiền từ các tiểu khoản của tài khoản chứng khoán sang tài khoản CKPS trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các giá trị yêu cầu/nghĩa vụ thanh toán trên tài khoản CKPS; (iii) Tự động đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của tài khoản CKPS khi Khách hàng không thực hiện các giao dịch theo Phần E này; (iv) Ký Quỹ Tự Động theo quy định của VPS trong từng thời kỳ.

Be entitled to but not obligated to automatically transfer, deposit/deduct/withdraw money, debit, credit to

Customer's accounts opened at VPS to: (i) Transfer money to pay for Customer's margin deposit, buy/sell transactions, fees for those derivatives trading transactions at VPS according to this Part E; (ii) be entitled (but not obligated) to automatically transfer money from the sub-accounts of the securities account to the derivatives account in case Customer does not ensure the required value/payment obligation in the derivatives account; (iii) automatically close part or all of the position of the derivatives account when Customer does not perform transactions according to this Part E; (iv) Automatically margin according to VPS regulations from time to time.

- (b) Thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng.

Carry out other transactions as authorized by Customer.

- (c) Cung cấp các thông tin liên quan đến tài khoản của Khách hàng cho cơ quan có thẩm quyền nếu có yêu cầu.

Provide information related to Customer's account to the competent authority if requested.

- (d) Lưu giữ, quản lý tiền, chứng khoán của Khách hàng theo quy định Bộ T&C này và pháp luật.

Store, manage money, securities of Customer according to the regulations of law and these T&Cs.

- (e) Có quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho VPS trong trường hợp tiền và chứng khoán ký quỹ không đủ để chi trả các nghĩa vụ liên quan đến vị thế của Khách hàng.

Have the right to request Customer to use all assets and other income sources of Customer to pay for his obligations to VPS in case the money and margin securities are not enough to pay the obligations related to the Customer's position.

- (f) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của VPS theo quy định tại Phần E này và các thỏa thuận, các phụ lục bổ sung, sửa đổi kèm theo.

Without Customer's approval, have the right to assign or transfer to a third party (referred to as the transferee) to exercise all or part of the rights and obligations of VPS according to regulations. specified in this Part E and the accompanying agreements and additional and amended appendices thereto.

- (g) Được quyền thu tiền lãi và/hoặc các khoản phí khác đối với các khoản thanh toán lỗ vị thế theo VPS quy định trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và thỏa thuận tại Phần E này.

Have the right to collect interest and/or other fees for position loss payments according to the VPS specified from time to time in accordance with the laws and agreements in this Part E.

- (h) VPS có quyền gửi thông báo liên quan đến tài khoản CKPS cho chính chủ tài khoản và/hoặc người nhận ủy quyền giao dịch đã đăng ký thông tin tại Hợp đồng mở TKCK và đăng ký dịch vụ chứng khoán.

VPS may send notices related to the derivatives account to the account holder and/or the authorized recipient who has registered information in the Securities Account Opening Contract and registered for securities services.

- (i) VPS có toàn quyền cập nhật, thay đổi, chỉnh sửa các quy định về các thông số, tỷ lệ an toàn tài khoản trong giao dịch CKPS vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần đạt được sự chấp thuận của Khách hàng, với điều kiện là VPS thực hiện thông báo tới Khách hàng trước khi thực hiện theo bất kỳ cách thức thông báo do VPS lựa chọn theo từng thời kỳ.

VPS has the full right to update, change, and edit regulations on parameters and account safety ratios in derivatives trading at any time without approval from Customer, provided that VPS notifies the Customer in advance by any notification method selected by VPS from time to time.

- (j) Các quyền khác theo quy định của Bộ T&C này.

Other rights according to these T&Cs.

9.2 Nghĩa Vụ Của VPS

VPS's Obligations

- (a) Mở TKGDPS theo quy định.

Open derivatives trading accounts according to regulations.

- (b) Thực hiện lệnh giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng thỏa mãn các điều kiện theo quy định của VPS và thông báo cho Khách hàng kết quả giao dịch theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền; cung cấp báo cáo, sao kê về giao dịch CKPS, khớp lệnh CKPS theo yêu cầu của Khách hàng hoặc định kỳ.

Execute trading orders as requested by Customer satisfying the conditions prescribed by VPS and notify Customer of the transaction results according to the regulations of the Competent Authorities; Provide reports and statements on derivatives trading and match the derivatives trading order as requested by Customer or on periodic basis.

- (c) Thông báo các thay đổi về các tỷ lệ, danh mục chứng khoán được phép ký quỹ và các thông tin khác theo nội dung tại Bộ T&C này, phụ lục và tài liệu đi kèm (nếu có) theo phương thức do VPS lựa chọn; thông báo tới Khách hàng về các vấn đề ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Khách hàng theo phương thức và trong thời hạn và VPS thấy là hợp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Notify changes in ratios, list of securities permitted for margin and other information according to the content of these T&Cs, appendixes and accompanying documents (if any) by method selected by VPS; Notify Customer of issues affecting Customer's rights and interests in a manner and within a time limit that VPS deems reasonable and in accordance with the provisions of law.

- (d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Bộ T&C này.

Other obligations according to these T&Cs.

ĐIỀU D10. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ARTICLE D10. OTHER REGULATIONS

- 10.1 Khách hàng tại đây xác nhận ủy quyền hoạt động thanh toán bù trừ cho VPS, ủy thác việc quản lý tài khoản ký quỹ và các tài sản ký quỹ cho VPS. Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho VPS chuyển tài sản được phép ký quỹ của Khách hàng để ký quỹ cho VSDC nhằm đảm bảo mức ký quỹ, các tỷ lệ, các nghĩa vụ của Khách hàng với VPS theo quy định của VPS từng thời kỳ mà không cần phải xác nhận lại từ Khách hàng.

Customer hereby confirms authorization of clearing and settlement activities to VPS, and entrusts VPS with the management of margin accounts and margin assets. Customer agrees and authorizes VPS to transfer the Customer's assets, which are permitted for margin, to margin for VSDC aimed to ensure the margin requirement, ratios, and obligations of Customer to VPS according to VPS regulations from time to time without re-confirmation from Customer.

- 10.2 Khách hàng ủy quyền cho VSDC để ký các văn bản và thực hiện các thủ tục cần thiết để đóng vị thế, thanh lý vị thế, chuyển giao tài sản ký quỹ, bàn giao quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ cho thành viên giao dịch, thành viên bù trừ thay thế trong trường hợp Thành viên giao dịch, thành viên bù trừ hiện hữu tạm ngừng hoạt động môi giới, bù trừ CKPS.

Customer authorizes VSDC to sign documents and carry out necessary procedures to close positions, liquidate positions, transfer margin assets, and hand over rights, responsibilities, and obligations to trading members, replacement clearing members in case the existing trading members or clearing members temporarily suspend the derivatives brokerage and clearing activities.

- 10.3 Khách hàng hiểu rằng các giao dịch chứng khoán phái sinh có thể chứa đựng rủi ro tổn thất rất lớn. Các rủi ro phát sinh trong trường hợp VPS mất khả năng thanh toán hoặc bị đình chỉ, tạm ngừng hoạt động, giải thể, phá sản bao gồm nhưng không giới hạn như rủi ro về tài sản tài chính, thiệt hại tài sản, xảy ra các vụ kiện, tranh chấp giữa khách hàng với các bên liên quan và các rủi ro khác. Do đó, Khách hàng đã cẩn trọng xem xét các giao dịch chứng khoán phái sinh và hoàn toàn chấp nhận vô điều kiện các khoản lỗ tổng thể từ ký quỹ ban đầu và các khoản ký quỹ bổ sung mà Khách hàng nộp vào để thiết lập hoặc duy trì các vị thế của mình trên thị trường chứng khoán phái sinh.

Customer acknowledges that derivatives transactions may contain huge risks of loss. The risks arising from the case VPS is insolvent or is suspended, temporarily ceased operations, dissolved, bankrupted includes but not limits to the risk of financial asset, damaged asset, disputes, lawcases arising between Customer and relevant parties and other risks. Therefore, Customer has carefully considered the derivatives transactions and has fully and unconditionally accepted the overall losses from the initial margin and additional margins paid by Customer to establish or maintain his positions in the derivatives market.

- 10.4 Khách hàng cam kết ngay lập tức và chủ động trong việc nộp ký quỹ bổ sung và/hoặc chủ động theo dõi trạng

thái tài khoản CKPS để đóng một phần hoặc toàn phần các vị thế mà Khách hàng đang nắm giữ trong trường hợp tài khoản vi phạm các ngưỡng cảnh báo. Khách hàng xác nhận, trong trường hợp thị trường có nhiều biến động, hoặc tình trạng các vị thế mở của Khách hàng có nhiều thay đổi bất lợi hoặc tình hình tài chính của Khách hàng có thay đổi, VPS có toàn quyền điều chỉnh tỷ lệ ký quỹ, yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong ngày giao dịch.

Customer commits to immediately and proactively pay additional margin and/or proactively monitor the derivatives account status to partially or fully close positions that Customer is holding in case the account violates the warning thresholds. The Customer acknowledges that, in case the market fluctuates strongly, or the status of Customer's open positions has many unfavorable changes, or Customer's financial situation changes, VPS has the full right to adjust the margin rate, request Customer to add margin on the trading day.

- 10.5 Khách hàng đồng ý rằng VPS có toàn quyền chủ động áp dụng các biện pháp xử lý tài khoản CKPS khi tài khoản CKPS vi phạm hoặc có thể bị vi phạm ngưỡng cảnh báo theo đánh giá của VPS và/hoặc mất khả năng thanh toán và Khách hàng sẽ không thực hiện bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với việc VPS khi VPS thực hiện quyền này.

Customer agrees that VPS has the full right to proactively apply measures to dispose the derivatives account when such account violates or might violate the warning threshold under VPS's evaluation and/or insolvency, and the Customer will not make any complaints or lawsuits against VPS when VPS exercises this right.

- 10.6 Nếu Khách hàng mất khả năng thanh toán và VPS đã hỗ trợ thanh toán cho Khách hàng theo quy định của VSDC thì VPS có toàn quyền sử dụng tài sản ký quỹ (kể cả bán, chuyển giao tài sản ký quỹ, sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc để thanh toán cho mục đích khác hoặc cho bên thứ ba) mà không cần chấp thuận của Khách hàng nhằm xử lý và/hoặc thu hồi khoản hỗ trợ mất khả năng thanh toán cho Khách hàng. VPS có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt VPS xử lý tài sản ký quỹ. Khách hàng cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để bù đắp cho các khoản tạm ứng, tiền lãi, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho VPS hoặc bên nhận chuyển nhượng.

If Customer becomes insolvent and VPS has supported in payment on behalf of Customer according to VSDC regulations, VPS has the full right to use the margin assets (including selling, transferring the margin assets, using them as collateral, or to pay for another purpose or to a third party) without the Customer's consent to dispose and/or recover the insolvency support to Customer. VPS may coordinate or sub-authorize a third party to dispose margin assets on behalf of VPS. Customer unconditionally commits to use all of the Customer's income sources and assets to compensate for advances, interest, fees, costs and other due payments (if any) to VPS or the transferee.

- 10.7 Khách hàng đồng ý rằng VPS có toàn quyền lựa chọn chứng khoán ký quỹ, quyết định các tỷ lệ ký quỹ, xác định giá trị tài sản ký quỹ và điều chỉnh các nội dung này phù hợp với tình hình thị trường và chính sách của VPS vào từng thời kỳ mà không cần được sự chấp thuận của Khách hàng.

Customer agrees that VPS has the full right to choose margin securities, decide margin ratios, determine the value of margin assets and adjust these contents in accordance with market conditions and VPS policies from time to time without approval from Customer.

- 10.8 Khách hàng/Người được ủy quyền giao dịch hợp pháp của Khách hàng cam kết có trách nhiệm kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tài khoản theo quy định của Phần E này. Khách hàng cam kết rằng nếu xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền của mình thì VPS không phải tham gia giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu VPS phải tham gia theo yêu cầu của cơ quan giải quyết tranh chấp thì Khách hàng và Người được ủy quyền liên đới chịu các phí tổn để VPS tham gia.

Customer/Customer's duly authorized person commits to be responsible for checking transaction status and account balance according to the provisions of this Part E. Customer undertakes that if any dispute arises between the Customer and his Authorized Person, VPS does not have to participate in resolving the dispute under any circumstances. If VPS must participate as requested by the dispute resolution agency, Customer and his Authorized Person shall jointly bear the costs for VPS to participate.

- 10.9 Các quy định về cách thức xử lý tài khoản trong trường hợp công ty bị đình chỉ hoạt động, hủy bỏ tư cách thành viên, điều chỉnh rút nghiệp vụ môi giới, giải thể hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; hiệu lực, trường hợp chấm dứt trước hạn, giải quyết tranh chấp phát sinh: như được quy định tại Phần A Bộ T&C này.

The regulation on the method to handle accounts in case the company is suspended, its membership is revoked, the brokerage business is adjusted, it is dissolved or the Establishment and Operation License is revoked; the

validity, early termination, and dispute resolution shall be: as stipulated in Part A of these T&Cs..

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống/ Remainder of the page intentionally left blank]